



**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC THÀNH VIÊN**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**QUY HOẠCH THỦY LỢI LƯU VỰC SÔNG CỬU LONG**

**THỜI KỲ 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050**

**TP. HỒ CHÍ MINH – 03/2025**

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC THÀNH VIÊN**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

**QUY HOẠCH THỦY LỢI LƯU VỰC SÔNG CỬU LONG**

THỜI KỲ 2022-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2050

|  |  |
| --- | --- |
|  | Đơn vị thực hiện  VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM |
|  |  |

**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH**

**Ý KIẾN GÓP Ý CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**

**Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có công văn số 8386/BNN-TL ngày 7/11/2024 gửi lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngày 16/12/2024 Hội đồng thẩm định đã họp, cho ý kiến đối với Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được 15 văn bản đóng góp ý kiến của cơ quan, tổ chức, 7 ý kiến trực tiếp tại cuộc họp Hội đồng thẩm định, cụ thể:

- 6 văn bản của các Bộ gồm: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên – Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng.

- 5 văn bản của các tỉnh, thành phố trong lưu vực sông Cửu Long: Đồng Tháp, Bến Tre, Cà Mau, Cần Thơ và Kiên Giang.

- 01 văn bản của các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn: Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai.

- 03 văn bản của các Ủy viên phản biện.

- 06 ý kiến góp ý trực tiếp tại cuộc họp Hội đồng thẩm định.

- 01 ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

| **TT** | **Ý kiến góp ý** | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu/Giải trình** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp- Chủ tịch Hội đồng** |  |  |
| 1 | Rà soát bỏ các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn đã hết hiệu lực. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** các văn bản pháp lý của quy hoạch trong phần căn cứ lập quy hoạch, các tiêu chuẩn tính toán, quy phạm có liên quan. |  |
| 2 | Về giải pháp điều tiết, kiểm soát nguồn nước, tập trung theo quan điểm kiểm soát vòng ngoài bằng các công trình kiểm soát trên sông lớn (cống Gành Hào, cống sông Đốc, cống Vàm Cỏ, cống Hàm Luông...), tập trung cống Gành Hào và Vàm Cỏ. Các giải pháp chuyển nước, liên kết nguồn nước: trước mắt tập trung đề xuất chuyển nước từ Bảo Định sang Gò Công; chuyển nước cho vùng Nam quốc lộ 1A; phương án chuyển nước cho Bán đảo Cà Mau cần cân nhắc kỹ về phạm vi và quy mô, xác định rõ vùng, khu vực nào không thể cấp, chuyển được để đề xuất giải pháp chuyển đổi sản xuất. Lưu ý nghiên cứu kỹ quy mô, nhiệm vụ một số trạm bơm trong quy hoạch (Trạm bơm Tắc Thủ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tiếp tục đề xuất các công trình kiểm soát nguồn nước vòng ngoài: cống Gành Hào, cống sông Đốc, cống Vàm Cỏ, cống Hàm Luông...  Tiếp tục đề xuất các công trình chuyển nước: Bảo Định sang Gò Công; chuyển nước cho vùng Nam quốc lộ 1A Bạc Liêu.  Phương án chuyển nước cho Bán đảo Cà Mau: Quy hoạch đề xuất quy mô công trình chuyển nước cho khoảng 25.000ha vùng Nam Cà Mau. Quy hoạch sẽ chưa đề xuất quy mô các công trình cụ thể, sẽ xác định trong quá trình lập dự án khả thi. |  |
| 3 | Về công trình trữ nước phân tán, cần thống nhất chỉ đề xuất công trình trữ nước trên các đoạn sông, kênh hiện có, xây dựng công trình điều tiết ở 2 đầu hình thành các công trình trữ nước phục vụ chủ yếu cấp nước sinh hoạt cho các vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất các công trình trữ nước phân tán chủ yếu sử dụng các đoạn kênh có sẵn để trữ nước.  Mục tiêu của các hồ chủ yếu phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt. Các hồ phục vụ nhu cầu sản xuất và các mục tiêu khác chủ yếu là nâng cấp các hồ đã có của khu vực vùng cao tỉnh An Giang. |  |
| 4 | Chống ngập úng: Quan điểm chống ngập úng là hình thành các ô bao lớn, vòng ngoài, chống ngập úng cho đô thị và khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung; rà soát quy mô, nhiệm vụ của các trạm bơm cho phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Tuân thủ quan điểm xây dựng các công trình với quy mô lớn để chống ngập úng cho cả vùng, bao gồm cả đô thị và nông thôn. Quy hoạch tiếp tục rà soát quy mô, nhiệm vụ của các trạm bơm đề xuất. |  |
| 5 | Cấp nước sạch từ biển: Đề xuất mô hình trạm bơm cấp nước từ biển phục vụ nuôi trồng thủy sản, trọng tâm cho tỉnh Bạc Liêu và Cà Mau (ưu tiên XHH mô hình này). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất mô hình trạm bơm cấp nước từ biển phục vụ nuôi trồng thủy sản, với 2 dự án cho Bạc Liêu, 01 dự án cho Cà Mau. |  |
| 6 | Các giải pháp phi công trình cần tập trung điều chỉnh, bổ sung quy trình vận hành hệ thống thủy lợi nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm hiệu quả nguồn nước, chủ động ứng phó lũ vượt tần suất; Nghiên cứu giải pháp di dân ra khỏi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, nhất là những khu vực sạt ở nghiêm trọng và chuyển đổi cơ cấu sản xuất đối với nguồn nước không ổn định. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạc đã đề xuất giải pháp điều chỉnh, hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống thủy lợi, trong đó có đề xuất 8 dự án xây dựng, hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống.  Đối với vấn đề di dân ra khỏi hành lang bảo vệ công trình thủy lợi: quy hoạch đã đề xuất giải pháp “Sắp xếp, quản lý dân cư sống ven kênh rạch, bảo đảm hành lang công trình thủy lợi”. Một số công việc cần thực hiện ngay, trong đó có điều tra, đánh giá thực trạng dân cư sống ven kênh rạch đã được đề xuất thực hiện. |  |
| 7 | Nguồn vốn thực hiện quy hoạch phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, phân cấp đầu tư (Trung ương, địa phương và xã hội hóa) và phân kỳ đầu tư thực hiện quy hoạch phải có tính khả thi trong triển khai thực hiện. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất phân cấp nguồn vốn thực hiện quy hoạch: trung ương, địa phương và xã hội hóa. Quy hoạch sẽ tiếp tục rà soát, cập nhật kinh phí thực hiện quy hoạch để đảm bảo khả thi. |  |
| **II** | **GS.TS. Đào Xuân Học- Ủy viên phản biện** |  |  |
| 1 | Tên gọi quy hoạch: Những người trong ngành đều hiểu về phạm vi lưu vực sông Mê Công. Một lưu vực sông lớn có thể bao gồm nhiều lưu vực nhỏ của các chi lưu, nhưng không có lưu vực của các đoạn sông. Chúng ta cần có quy hoạch này, nhưng tên gọi nên là Quy hoạch thuỷ lợi lưu vực sông Mê Công- khu vực sông Cửu Long (ĐBSCL). Thực tế bản quy hoạch đã thực hiện rộng như vậy, vì phải nghiên cứu và đánh giá những tác động từ thượng nguồn. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Phạm vi của quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long là toàn bộ diện tích của 13 tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long không bao gồm các đảo. Trong quá trình lập quy hoạch đã xem xét quá trình phát triển thượng nguồn (thủy điện, gia tăng sử dụng nước, chuyển nước trong và ngoài lưu vực) để phục vụ tính toán, đề xuất giải pháp quy hoạch. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long (quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông Cửu Long). |  |
| 2 | Tác động từ thượng nguồn: Việc đánh giá đầy đủ những tác động từ thượng nguồn là rất cần thiết. Báo cáo đã đánh giá đầy đủ những tác động liên quan đến nguồn nước như: Chuyển nước khỏi lưu vực; Mở rộng diện tích tưới; Thủy điện trên dòng chính; Bảo vệ môi trường nước, quy trình vận hành; Hàm lượng phù sa; Nguồn lợi thủy sản; kênh Phù Nam; Công trình khống chế Biển Hồ… Tuy nhiên, cần phân tích sâu hơn mức độ tác động và trách nhiệm, thái độ của chúng ta đối với các vấn đề nêu trên để trình và tham mưu cho Chính phủ. Đối với công trình khống chế Biển Hồ, nếu được thực hiện sẽ gây tác động lớn nhất và trực tiếp nhất đối với ĐBSCL. Chúng ta cần phải nghiên cứu những giải pháp nhằm chủ động thích ứng lâu dài những tác động từ thượng nguồn | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật:**  Trong quy hoạch đã nghiên cứu đánh giá, cũng như xem xét việc xây dựng thủy điện từ Trung Quốc đến Campuchia, mở rộng diện tích, gia tăng sử dụng nước ở Lào, Thái Lan và Campuchia, chuyển nước trong và ngoài lưu vực của Thái Lan và Campuchia, tác động của Biển Hồ (khi có công trình điều kiết) và kênh đào Phù Nam đến Đồng bằng sông Cửu Long.  Liên quan đến trách nhiệm, thái độ của Việt Nam đối với việc phát triển thượng nguồn, hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng Đề án Đánh giá tổng thể tác động và giải pháp ứng phó đối với việc các nước phát triển thủy điện trên dòng chính, chuyển nước sông Mê Công (bao gồm các công trình tác động Biển Hồ và kênh đào Phù Nam) trong đó sẽ đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động. |  |
| 3 | Từ phía biển: Nước biển dâng và tốc độ truyền triều gia tăng do khai thác (mở rộng lòng sông) cát gây nhiều tác động như úng ngập và xâm nhập mặn. Thiên tai từ biển bao gồm bão lớn, nước dâng do bão chưa được đề cập và giải quyết trong báo cáo. Cấp bão lớn vào ĐBSCL đã được Chính phủ quy định, kèm theo nó là nước biển dâng, là căn cứ để đánh giá năng lực phòng chống thiên tai từ biển, làm cơ sở quy hoạch đê, đặc biệt là các vùng dân cư ven biển. Đây là giai đoạn chúng ta còn có cơ hội thể thay đổi và thực hiện. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, đã cập nhật** tác động từ phía biển làm số liệu đầu vào trong tính toán các kịch bản và cập nhật trong báo cáo. Đối với quy hoạch đê biển, hiện Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang giao cho Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đê biển, đê cửa sông các tỉnh, thành phố từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, nội dung quy hoạch này sẽ tiếp tục giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động từ biển và hệ thống đê biển, đê cửa sông. |  |
| 4 | Nguồn cấp nước không đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, ranh giới mặn, ngọt không ổn định nên sản xuất rất bấp bênh; vấn đề ô nhiễm môi trường nước từ thượng nguồn, từ sản xuất công nghiệp, làng nghề, từ nuôi trồng thuỷ sản và từ thuốc bảo vệ thực vật ở đồng bằng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Về nguồn cấp nước: nhu cầu nước ngọt của đồng bằng chỉ khoảng 23-24 tỷ m3, trong khi sông Cửu Long với lưu lượng trung bình năm khoảng 475 tỷ m3 là nguồn nước rất dồi dào, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước. Vấn đề thiếu nguồn nước ở một số khu vực là do thiếu công trình kiểm soát nguồn nước (cả nước ngọt và nước mặn). Trong quy hoạch thủy lợi lần này cũng đã đề xuất các giải pháp thủy lợi nhằm cấp nước một cách ổn định, bền vững nhất có thể cho các khu vực còn khó khăn.  Vấn đề ranh giới mặn, ngọt không ổn định nên sản xuất bấp bênh: Quy hoạch đề xuất điểm khống chế xâm nhập mặn, làm cơ sở đầu tư công trình kiểm soát nguồn nước. Về lâu dài, để đảm bảo chủ động kiểm soát ranh mặn cần tiếp tục nghiên cứu các công trình kiểm soát quy mô lớn ở cửa sông.  Nguồn nước cấp cho khu vực đô thị được thực hiện theo Quy hoạch cấp nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long của Bộ Xây dựng và Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg), trong đó nguồn nước sẽ lấy từ sông Tiền và sông Hậu, dẫn nước đến các trung tâm đô thị của vùng.  Đối với cấp nước sinh hoạt nông thôn, do đặc điểm dân cư phân tán, do vậy vẫn đề xuất xây dựng các trạm cấp nước quy mô vừa và nhỏ và ưu tiên sử dụng nguồn nước từ các hệ thống thủy lợi, nước ngầm và các hồ trữ nước ngọt phân tán. |  |
| 5 | Sạt lở bờ sông, bờ kênh liên quan trực tiếp hàm lượng phù sa về từ thượng nguồn về, khai thác cát, chế độ dòng chảy trên sông, kết cấu đất. Hiện nay, nhu cầu cát cho xây dựng, san lấp mặt bằng cho khu đô thị, khu công nghiệp và giao thông là rất lớn. Do vậy, cần nghĩ tới giải pháp và cơ chế chính sách để chủ động thích ứng nhằm giảm nhu cầu khai thác cát ở sông Mekong như việc xây dựng những đô thị sinh thái đa mục tiêu và những làng sinh thái. Hồ sinh thái đa mục tiêu nhằm lấy đất san nền đô thị, cải tạo vi khí hậu, chống ngập lụt đô thị, bố trí năng lượng mặt trời và có thể dùng làm nước sinh hoạt ở những vùng thiếu nước. Tất nhiên, nếu dùng cung cấp nước sinh hoạt cần có quy trình quản lý nước ngặt nghèo. Việc xây dựng kè chống sạt lở rất tốn kém kinh phí và còn gây nhiều tác động đến hạ lưu công trình. Vì vậy, cần quan tâm đến giải pháp phi công trình như: Quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch đê và cống dọc sông sao cho bền vững là rất cần thiết, vừa đảm bảo sự phát triển bền vững trước diễn biến bất thường từ thượng lưu, biến đổi khí hậu và quá trình phát triển. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đồng tình với quan điểm sạt lở bờ sông, bờ kênh liên quan đến hàm lượng phù sa và khai thác cát.  Các giải pháp giảm khai thác cát, xây dựng hồ sinh thái để lấy đất san lấp mặt bằng… là các giải pháp hiệu quả và khả thi, song trong khuôn khổ quy hoạch thủy lợi lưu vực sông không đủ điều kiện để nghiên cứu giải quyết toàn bộ các vấn đề này. Kiến nghị điều chỉnh cụ thể trong các quy hoạch có liên quan.  Việc xây dựng kè chống sạt lở rất tốn kinh phí, do đó quy hoạch chỉ đề xuất giải pháp xây dựng các công trình chống sạt lở bờ sông, bờ biển cho các vị trí sạt lở đặc biệt nguy hiểm (ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân). Các vị trí sạt lở ở những khu vực khác sẽ áp dụng kết hợp các giải pháp phi công trình: cảnh báo, di dời, quản lý dân cư ven kênh, rạch… Việc xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối (cống) cũng góp phần giảm bớt sạt lở trong nội đồng do kiểm soát được vận tốc, lưu lượng trong hệ thống kênh.  Nhất trí cần quy hoạch bố trí dân cư, quy hoạch đê và cống dọc sông sao cho bền vững nhưng được thực hiện trong quy hoạch khác có liên quan. |  |
| 6 | Vấn đề lún sụt đất ở ĐBSCL, đặc biệt là ở các đô thị lớn là một nội dung rất quan trọng cần được quan tâm giải quyết, và làm cơ sở cho định hướng giải pháp phòng chống ngập lụt ở ĐBSCL, nhưng chưa được đề cập đến. Vấn đề lún sụt đất 1,5-2,5 cm, thậm chí 3 cm ở vùng đô thị (gấp khoảng 5-7 lần tốc độ nước biển dâng), nguyên nhân chính là do khai thác nước ngầm quá mức ở đô thị, vùng nuôi trồng thủy sản ven biển và là vấn đề tất yếu của các vùng trầm tích trong quá trình khai thác. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu** cập nhật các kết quả nghiên cứu, điều tra về sụt lún do phía Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp từ các tài liệu vào trong báo cáo. |  |
| 7 | Hiện trạng đê bao, bờ bao: Báo cáo đã đề cập khá đầy đủ hiện trạng các công trình thuỷ lợi ở ĐBSCL như hệ thống trạm bơm, cống, đê bao, bờ bao, hệ thống đê bao chống lũ, chống xâm nhập mặn. Tuy nhiên, cần có đánh giá về quy mô (quá nhiều và tiếp tục tăng), kèm theo kích thước đê, đặc biệt là chiều cao của đê. Cần tách bạch và nhấn mạnh các vấn đề bất cập trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp công trình và phi công trình để thích ứng.  - Vấn đề ngập lụt ở các đô thị, làng ấp, vườn cây ăn trái, đường giao thông, do lũ, do triều và do mưa lớn đã xảy ra rất nghiêm trong. Đường Quốc lộ 1 từ Cần Thơ về Bạc Liêu, Cà Mau đã phải làm tường bê tông để ngăn chặn nước triều, từ Cà Mau về mũi Cà Mau đã phải nâng đường cao lên 80 cm.  - Cụm tuyến dân cư và vấn đề ngập các cụm tuyến dân cư: Theo báo cáo chúng ta đã có 8.000 ô bao, với chiều dài đê bao là 50.000 km, rất tiếc là báo cáo không nêu rõ kích thước và chiều cao của đê bao (theo tôi chiều rộng mặt đê 3-5m, cao từ 4 m trở lên). Có thể nói chiều dài đê bao là rất rất lớn (tổng chiều dài đê của toàn bộ ĐBSH là 1.200 km), đã ngập lũ và xuống cấp nhiều. Nay lại đề nghị nâng cấp, lấy đất đâu để đắp và độ bền vững thấp, không khai thác được những lợi thế của lũ và tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro hàng năm. Đây là những số liệu rất cần thiết để minh chứng sự cần thiết và lợi ích của giải pháp “chủ động sống chung với lũ” mà chúng ta đã định hướng và đề xuất- việc xây dựng cống và đê dọc các sông lớn như là giải pháp tất yếu phải làm | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** hiện trạng đê bao, đánh giá tình hình ngập lụt do lũ, triều cường.  Tiếp thu chỉ tập trung nâng cấp cho khu vực đê bao 3 vụ theo hướng mở rộng các ô bao theo quy mô vừa và lớn, đây cũng là cơ hội để sắp xếp lại sản xuất, củng cố, mở rộng, cứng hóa hệ thống đê nhằm phục vụ các mục tiêu về giao thông nông thôn, cơ giới hóa sản xuất, phục vụ Đề án phát triển 01 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao phát thải thấp.  Đối với các vùng sản xuất 2 vụ, hệ thống đê bao chỉ kiểm soát lũ tiểu mãn, đến lũ chính vụ đều cho phép tràn qua đê, nên không cần thiết phải tôn cao. Chỉ có thể xem xét cứng hóa mặt đê một số khu vực tập trung đông dân cư, kết hợp phục vụ giao thông nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới. |  |
| 8 | Kiểm soát lũ: Đồng tình với phương châm “Chủ động sống chung với lũ”, Tuy nhiên, cần nhấn mạnh hiệu ích mà giải pháp đem lại, cũng như cần có phương án để giải quyết tác dụng phụ, tác động tiêu cực của giải pháp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Để “Chủ động sống chung với lũ”, quy hoạch đề xuất vẫn phải xây dựng các công trình phù hợp. Để phát huy hiệu quả tích cực, hạn chế các tác động tiêu cực thì cần có các quy trình vận hành hệ thống.  Trong giải pháp phi công trình đề xuất, Quy hoạch đã đề xuất giải pháp: Hoàn thiện quy trình vận hành hệ thống và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, vận hành. Các quy trình này sẽ phải căn cứ vào nhiệm vụ đặt ra để đề xuất phương án phối hợp vận hành các công trình một cách hợp lý nhất. |  |
| 9 | Tiêu thoát nước: Tiêu thoát nước cho các đô thị là nội dung quan trọng, cấp bách cần giải quyết. Nhưng cần đặt trong bài toán tổng thể của ĐBSCL. Theo chúng tôi, ở giai đoạn hiện tại, sau khi xây dựng xong các cống đầu kênh lớn và đê dọc sông lớn, việc tiêu thoát cho các đô thị có thể giải quyết được mà chưa cần phải xây dựng các hệ thống trạm bơm tiêu cho các đô thị (xem chi tiết phần kiểm soát lũ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp xây dựng các cống ven sông, đặc biệt là tuyến cống dọc sông Hậu đã được đề xuất trong quy hoạch. Các cống có nhiệm vụ kiểm soát mực nước vào nội đồng, giảm ngập úng. Tuy vậy, trong các trường hợp mực nước ngoài sông cao, trong đồng có mưa lớn vượt quá khả năng điều tiết của các hồ điều hòa thì khả năng ngập úng đô thị vẫn xảy ra. Các trạm bơm tiêu được đề xuất sẽ hoạt động trong các trường hợp như vậy. Quy mô các trạm bơm tiêu cần được tính toán có kể đến khả năng điều tiết của các hồ điều hòa và hệ thống kênh rạch nội vùng để giảm công suất thiết kế và sẽ được tính toán cụ thể trong giai đoạn đầu tư.  Trước mắt sẽ tiếp tục theo dõi các biến động về khí tượng, thủy văn, biến đổi khí hậu để xác định lộ trình đầu tư các trạm bơm chống ngập đô thị một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện nguồn lực. |  |
| 10 | Chống ngập lụt cho các đô thị lớn như: Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau, Long Xuyên, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh, Bến Tre: Với mức nước lũ tại Tân Châu là dưới 4,5 m dưới báo động cấp III, các đô thị vùng thượng nguồn như: Long Xuyên, Tân Châu, Châu Đốc đều không bị ngập, vì vậy không cần phải xây dựng hoặc củng cố đê bao ở giai đoạn hiện nay. Các thành phố còn lại cũng sẽ không bị ngập do lũ, có thể vẫn bị ngập do triều hoặc tổ hợp cả triều và lũ. Nhưng với hệ thống cống đầu kênh và đê dọc sông đã xây dựng, chúng ta có thể điều hành các cống để các thành phố này không bị ngập do triều hay tổ hợp triều và lũ trong giai đoạn hiện nay (về lâu dài có thể sẽ bị ngập do lún đất…). Vì vậy, việc xây dựng công trình chống ngập cho các đô thị như báo cáo đề xuất, theo tôi cần xem xét lại. Nếu chúng ta đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cống lớn đầu kênh thì trong giai đoạn hiện nay chưa cần các giải pháp chống ngập cho các đô thị. Ví dụ như TP. Cần Thơ nếu chúng ta xây dựng xong các cống đầu kênh và rạch Cần Thơ thì TP. Cần Thơ không thể bị ngập triều hay tổ hợp triều và lũ như hiện nay. Tất nhiên về lâu dài có thể vẫn phải thực hiện, nếu tình trạng lún đất tiếp tục xảy ra như hiện nay. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu,** quy hoạch đã đề xuất danh mục cần đầu tư xây dựng các công trình chống ngập úng, tuy nhiên việc đầu cần thực hiện theo lộ trình phù hợp với việc đầu tư xây dựng các công trình kiểm soát đầu kênh và từ đó xác định các công trình kiểm soát ngập trong nội đô phù hợp với việc đầu tư xây dựng các công trình kiểm soát đầu kênh, sông lớn. |  |
| 11 | Cấp nước sinh hoạt: Vấn đề cấp nguồn nước sinh hoạt cho đô thị và nông thôn tách rời, chưa có sự phối hợp giữa cấp nước cho đô thị và nông thôn. Nguồn cấp nước cho sinh hoạt còn thiếu hụt và chưa bền vững. Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch do Bộ Xây dựng trình về cấp nguồn nước cho các đô thị vùng tây sông Hậu bằng hệ thống đường ống. Các vùng nông thôn thì giải quyết theo phương án nào? Chúng tôi nghĩ rằng nên có một quy hoạch tổng thể về cung cấp nước sạch cho vùng ĐBSCL, đặc biệt vùng bán đảo Cà Mau-Tây sông Hậu. Dành quỹ đất để xây dựng hồ chứa nước phục vụ cấp nước sinh hoạt. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và giải trình như sau:**  Các vùng nông thôn vùng ĐBSCL có mật độ dân cư thưa nên việc bố trí hệ thống đường ống cấp rất khó khăn. Giải pháp cấp nước nông thôn đề xuất trong quy hoạch là tiếp tục xây dựng các trạm cấp nước tập trung cho dân cư tập trung, mở rộng, kéo dài hệ thống đường ống cung cấp. Nguồn nước cho các trạm cấp nước này tùy theo điều kiện để sử dụng theo thứ tự: nước mặt, trữ nước phân tán, nước dưới đất. |  |
| 12 | Nuôi trồng thuỷ sản ở ĐBSCL chưa bền vững, dịch bệnh nhiều do nhiều nguyên do. Một trong những nguyên nhân quan trọng là đường cấp nước và thoát nước không tách rời, ruộng trên xả ra thì ruộng dưới lại lấy nước vào. Trong quy hoạch mới phấn đấu tách rời được 10%, con số quá khiêm tốn. Theo tôi đã đến lúc cần suy nghĩ sâu sắc toàn diện cho vấn đề này, việc thực hiện có thể từng bước phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và nhận thức của người dân. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:**  Giải pháp này liên quan chặt chẽ đến bố trí và sắp xếp lại tổng thể các khu vực nuôi trồng thủy sản. Hiện nay về cơ bản hệ thống kênh rạch ĐBSCL là tưới tiêu kết hợp và bố trí các ao nuôi nhỏ lẻ, vì vậy rất khó có thể giải quyết bài toán này trong giai đoạn ngắn hạn. Việc xây dựng các mô hình nuôi siêu thâm canh và nuôi tôm công nghệ cao là một cách tiếp cận thận trọng và có thể đem lại bài học kinh nghiệm quý giá. Cần có thêm nghiên cứu để tìm ra giải pháp phù hợp cho các mô hình nuôi khác. Cần có kế hoạch dài hạn (10-20 năm) để từng bước cải thiện hệ thống.  Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của việc tách rời hệ thống cấp và thoát nước.  Nghiên cứu các giải pháp công nghệ mới có thể giúp tách rời hệ thống mà không cần thay đổi hoàn toàn cơ sở hạ tầng hiện có. Ví dụ cấp nước bằng đường ống từ ngoài biển, thoát nước qua hệ thống kênh.  Một số khu vực có điều kiện thuận lợi về hệ thống thủy lợi (đủ hệ thống kênh, hệ thống cống điều tiết, nguồn nước trao đổi thuận lợi...) sẽ nghiên cứu cơ chế vận hành hệ thống phục vụ cấp, thoát nước tách rời theo thời gian (ví dụ vùng Nam quốc lộ 1 tỉnh Bạc Liêu, khu vực An Minh, An Biên tỉnh Kiên Giang). Nếu thực hiện các giải pháp trên thì đến năm 2030, các khu vực có khả năng tiêu thoát tách rời của vùng ven biển như sau:  Các dự án cấp nước bằng đường ống: 3.000ha.  Khu vực Nam Quốc lộ 1, tỉnh Bạc Liêu: 43.000ha.  Khu vực An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang: 40.000ha  Tổng diện tích thực hiện mô hình cấp, thoát nước tách rời là 86.000ha, chiếm khoảng trên 10% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của vùng. Việc thực hiện hiệu quả 10% diện tích cấp thoát tách rời này sẽ là tiền đề để mở rộng mô hình trong giai đoạn sau. |  |
| 13 | Vấn đề chuyển nước bổ sung từ hồ Dầu Tiếng về Vàm Cỏ Đông được hiểu như là 1 giải pháp tình thế hiện nay. Nhưng giai đoạn tới cần phải chấm dứt, vì nhu cầu nước của vùng miền Đông sẽ gia tăng nhanh (hiện chúng ta đang chuyển nước từ 1 lưu vực có 34 tỷ m3 xuống vùng có 470 tỷ m3. Điều này chưa được đề cập | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu** quan điểm không chuyển nước từ lưu vực sông có ít nước sang lưu vực sông có nhiều nước hơn, không sử dụng nước từ hồ Dầu Tiếng để cấp nước, đẩy mặn trên sông Vàm Cỏ Đông. Giải pháp đề xuất là đẩy nhanh xây dựng cống Vàm Cỏ nhằm kiểm soát mặn, hỗ trợ cấp nước, tiêu thoát cho khu vực tỉnh Long An và điều chỉnh quy trình vận hành các công trình trong khu vực để khai thác nước một cách hiệu quả, tiết kiệm. |  |
| 14 | Về sự cần thiết phải có nước ngọt để giảm độ mặn trong hệ thống kênh mương: Trong mùa khô, do không có mưa và bốc hơi nên độ mặn của nước trong hệ thống kênh mương và vùng nuôi thuỷ sản cao hơn nhiều (độ mặn khoảng 40-45%0) so với yêu cầu nuôi trồng thuỷ sản (với độ mặn khoảng 30-35%0) ở vùng lợ-mặn. Yêu cầu giảm độ mặn của nước trong kênh, vùng nuôi trồng là cần thiết. Tuy vậy, chúng ta có thể thay thế lượng nước trong vùng nuôi trồng thuỷ sản bằng nước biển (độ mặn 28-31%0). Việc lấy nước mặn từ biển vào những vùng này ổn định và thuận lợi hơn nhiều so với việc phải dẫn nước ngọt từ sông Hậu - xa vài trăm km về để pha loãng.  Chuyển nước cho vùng Bán đảo Cà Mau: Liệu có thể dẫn nước ngọt về vùng Nam Bán đảo Cà Mau hay không? Theo tính toán của các mô hình thuỷ lực thì chúng ta có thể dẫn được nước về, nhưng không phải là rất chắc chắn, đặc biệt mực nước trên các sông đang có xu hướng giảm do việc khai thác cát ở lòng sông. Việc xây dựng trạm bơm Tắc Thủ để bơm vào sông Ông Đốc? Các kênh nêu trên đều là các kênh vừa cấp vừa thoát nước, việc vận hành ra sao? Rất cần được bàn thảo cụ thể.  Xây dựng tram bơm Cầu Sập để bơm vào kênh Bạc Liêu-Cà Mau khả thi hơn, tuy nhiên diện tích phục vụ cần được cân nhắc kỹ hơn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Vấn đề cấp nước ngọt bổ sung cho nuôi trồng thủy sản: giải pháp cơ bản cho các vùng vẫn là tăng cường nạo vét hệ thống kênh rạch để tăng trao đổi nguồn nước, giảm việc tăng độ mặn do bốc hơi (vùng ven biển Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang). Việc cấp nước ngọt bổ sung bằng các công trình chuyển nước chỉ áp dụng tại một số khu vực do điều kiện hạn chế và với mục tiêu là chủ động được nguồn nước phục vụ nuôi trồng thủy sản (ví dụ: khu Nam QL1 Bạc Liêu có hệ thống kênh bồi lắng rất nhanh, việc tăng trao đổi nước cũng làm tăng khả năng bồi lắng kênh, khu vực giữa còn bị giáp nước, khả năng dẫn nước cũng bị hạn chế, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã quyết định chủ trương đầu tư).  - Dự án dẫn nước ngọt về Nam Bán đảo Cà Mau: Mục tiêu của dự án chỉ phục vụ cho khu vực chuyển đổi mô hình sản xuất sang tôm- lúa ven sông Ông Đốc (khoảng 25.000ha), Các khu vực khác của vùng Nam Cà Mau cơ bản sử dụng nước tại chỗ (nước mưa) để sản xuất.  Việc xây dựng trạm bơm Cầu Sập nhằm mục tiêu hỗ trợ cho hệ thống chuyển nước (khi mực nước trong đồng thấp hơn mực nước sông, nước ngọt không tự chảy được xuống kênh Bạc Liêu- Cà Mau. Ngoài ra trạm bơm còn tiêu thoát cho vùng trồng lúa của tỉnh Bạc Liêu, giảm ngập úng do mưa (đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Dự án khả thi tại Quyết định số 6005/QĐ-BNN-XD, ngày 29/12/2023) |  |
| 15 | Ở các đô thị mới, việc xây dựng hồ sinh thái đa mục tiêu-lấy đất san nền, cải tạo vi khí hậu, chống ngập úng, cấp nước sinh hoạt (ở những vùng không có nguồn nước ngọt) và bố trí năng lượng mặt trời là rất hữu ích. Tuy nhiên để cấp đủ nước sinh hoạt chúng ta cần dành quỹ đất khoảng 4,5-6,5% diện tích khu đô thị tuỳ thuộc lượng mưa của từng khu vực và cần có quy trình quản lý môi trường nghiêm ngặt, nhằm tách nước thải và nước mưa, không để nước thải vào hồ. Để đạt tất cả các mục tiêu nêu trên thì cần để diện tích đào hồ khoảng 7-10%. Hiện có một số người đề xuất xây dựng hồ ở ĐBSCL để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong báo cáo quy hoạch không đề xuất việc xây dựng các hồ chứa nước ngọt trên đồng bằng để dùng cho sản xuất là rất đúng. Tuy vậy chúng ta cũng cần tuyên truyền để xã hội hiểu đúng và đầy đủ về việc này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu:** Trong giải pháp chống ngập úng cho các đô thị có đề xuất dành 7% -10% quỹ đất đô thị làm hồ điều hòa để giảm ngập úng. Tuy nhiên, do yêu cầu về chất lượng nước cấp cho sinh hoạt cần được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng và quản lý chặt chẽ về nguồn nước bởi các cơ quan y tế. Nếu đáp ứng được mới có thể dùng nguồn nước từ các hồ này sử dụng cho cấp nước đô thị.  Quy hoạch đề xuất xây dựng các hồ trữ nước phân tán nhằm mục tiêu chủ yếu là cấp nước cho khu vực nông thôn, việc cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đối với đồng bằng không hiệu quả do điều kiện tự nhiên không thuận lợi: địa hình bằng phẳng, hệ thống kênh, rạch chằng chịt, trữ nước và dẫn nước khó khăn, khả năng nhiễm mặn, phèn cao, bốc hơi cao. |  |
| 16 | Xây dựng cống kiểm soát cửa sông: Việc xây dựng các cống lớn cuối các nhánh sông là điều khó tránh khỏi về lâu dài. Tuy vậy, chúng ta đã xây dựng hầu hết các cống đầu kênh và đê ở dọc sông nên cần cân nhắc về thời gian xây dựng ở các nhánh sông. Đồng thời cần chỉ ra sự cấp thiết, hiệu ích của các nhánh sông cần xây dựng trước. Vị trí cống rất cần được cân nhắc các mặt và nếu có thể kết hợp với các cầu qua sông thì giảm kinh phí rất nhiều và có xét đến yếu tố nước biển dâng và bão lớn | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Về thứ tự đầu tư các công trình lớn kiểm soát cửa sông, quy hoạch đã tính toán và đề xuất. Trước mắt sẽ xem xét đầu tư cống Vàm Cỏ và Hàm Luông và kết hợp cầu qua sông. Để phát huy hiệu quả hơn nữa, cân nhắc, xem xét thêm cống Cổ Chiên, Cung Hầu.  Về vị trí xây dựng các cống: Quy hoạch cũng đã căn cứ vào điều kiện địa hình, địa chất để xác định vùng tuyến xây dựng cống ở giai đoạn quy hoạch (vị trí có chiều rộng và chiều sâu đáy sông hợp lý). Hiện các tỉnh ven biển ĐBSCL đang triển khai tuyến đường bộ ven biển, tuy nhiên các vị trí cầu dự kiến của tuyến đường này không trùng với vị trí dự kiến làm cống. Hơn nữa thời gian dự kiến làm các cống cửa sông là sau 2030, khi đó tuyến đường ven biển đã đầu tư xong, việc kết hợp cầu và cống sẽ không thuận lợi. |  |
| 17 | Giải pháp cấp nước cho vùng cao là xây dựng hồ chứa, theo tôi không logic cần được bàn thảo cho rõ. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp cấp nước cho vùng cao của tỉnh An Giang là nâng cấp, sửa chữa một số hồ đã có, quy hoạch đề xuất nghiên cứu một số hồ quy mô nhỏ phục vụ tại chỗ và nơi có điều kiện. |  |
| 18 | Giải pháp cấp nước vùng ngọt-lợ, lợ-mặn và mặn ngọt: Gọi chung là tiểu vùng mặn-ngọt luân phiên, thực hiện mô hình tôm-lúa. Tuy nhiên, cần phải nói rõ đây là vùng phức tạp chúng ta chưa thể chủ động trong quản lý nguồn nước khi chưa xây dựng được các công trình điều tiết, dẫn đến canh tác không bền vững. Cần có cảnh báo với các địa phương khi canh tác và cũng là vùng xảy ra khai thác nước ngầm quá mức vào những năm khô hạn. Giải pháp đã đề xuất tăng cấp ngọt, mặn cho vùng thiếu nước bằng giải pháp nạo vét kênh mương là phù hợp. Nhưng liệu vùng nào cũng có thể dẫn nước ngọt về hay không? Ví dụ như vùng Nam Cà Mau và một số vùng Tôm-Lúa hiện nay?  Theo tôi cần thu hẹp diện tích vùng Tôm-Lúa, chúng ta không dễ để đảm bảo cung cấp mặn ngọt bất cứ khi nào cần, vì sự biến động này thay đổi theo năm, theo mùa, theo tháng đều khác nhau. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu như sau:**  Việc thu hẹp diện tích vùng Tôm-Lúa hiện nay phụ thuộc nhiều vào các địa phương, do mô hình này đang cho hiệu quả kinh tế cao, được đánh giá là bền vững. Muốn chuyển đổi mô hình sản xuất này cần đề xuất được mô hình cho hiệu quả cao hơn, bền vững hơn và phù hợp với mong muốn và điều kiện của người dân.  Kiến nghị, trong quy hoạch có cho triển khai nghiên cứu, đánh giá các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện từng vùng, để các địa phương có cơ sở thực hiện chuyển đổi. |  |
| 19 | Vùng mặn (trong phạm vi khoảng 10 km từ bờ biển): Tôi đề nghị Bộ quyết liệt trong việc xây dựng các mô hình:  (1) Những vùng trồng lúa & nuôi tôm kém hiệu quả, chuyển đổi thành những vùng nuôi tôm công nghiệp (thâm canh và siêu thâm canh), có hệ thống đường ống cấp nước biển. Mỗi khu nuôi công nghiệp từ 300÷10.000ha. Nhà nước đầu tư công trình lấy nước ở biển (cách bờ biển 2-6 km), đường ống hút từ công trình lấy nước vào đến trạm bơm (bờ biển), đường ống dẫn sau trạm bơm do dân đầu tư. Đây là mô hình đã làm rất thành công của công ty Minh Phú ở Vũng Tàu và Kiên Giang. Tổng Cục Thuỷ lợi và Thuỷ sản đã đi thực địa thăm quan, đánh giá và đã có báo cáo lên Bộ cách đây gần 3 năm rồi.  (2) Một số vùng khó có điều kiện để cấp nước biển thì nên hình thành vùng Tôm-rừng (50%)-vùng nuôi tôm sú hữu cơ. Đây là mô hình rất bền vững, nếu tính cả phí cácbon của rừng thì hiệu ích đem lại cũng rất cao. Những vùng vẫn nuôi trồng thì cố gắng có đường cấp và đường thoát riêng.  (3) Tôi cảm ơn và rất đồng tình với đề xuất trong bản quy hoạch là xây dựng 4 vùng nuôi trồng thuỷ sản thâm canh và siêu thâm canh lấy nước biển (Kiên Giang 900 ha, Bạc Liêu 450 ha và 400 ha (cần giảm diện tích cấp nước ngọt cho TB Cầu Sập), Cà Mau 400 ha) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu** thống nhất với định hướng quy hoạch các vùng sản xuất như ý kiến góp ý. Tuy nhiên để triển khai thực hiện được cần Quy hoạch lại các vùng sản xuất của các địa phương. |  |
| 20 | Giải pháp tiêu thoát nước:  Tiêu thoát nước cho các đô thị là nội dung quan trọng, cấp bách cần giải quyết. Nhưng cần đặt trong bài toán tổng thể của ĐBSCL. Theo tôi, ở giai đoạn hiện tại, sau khi xây dựng xong các cống đầu kênh lớn và đê dọc sông lớn, việc tiêu thoát cho các đô thị có thể giải quyết được mà chưa cần phải xây dựng các hệ thống cống và trạm bơm tiêu riêng biệt cho các đô thị (xem chi tiết phần kiểm soát lũ). Trang 31, trong báo cáo tóm tắt vẫn nêu “…mở rộng diện tích được bơm tiêu bằng động lực” “Xây dựng các công trình chống ngập úng cho các đô thị…”. Chúng ta cần rút ra bài học từ việc chống úng ngập của thành phố cần Thơ, cũng như Tp. HCM. Đề nghị xem xét lại việc đầu tư xây dựng 17 trạm bơm tiêu thuộc 4 xã của Cà Mau và 8 trạm bơm thuộc Kiên Giang. Đề nghị xây dựng 47 cống và 6 trạm bơm chống ngập cho Tp. Cần thơ có mâu thuẫn gì với dự án của WB và lý do? Các cống, trạm bơm chống ngập cho các thành phố Long Xuyên (8 TB), Sóc Trăng (6 TB), Bến Tre (11 TB), Bạc Liêu (2 TB), Cà Mau (4 TB), Vĩnh Long (8 TB), đã cần thiết chưa? Đặc biệt là những vùng sau khi được xây dựng cống và đê ven sông lớn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đối với các vùng sản xuất nông nghiệp: Với địa hình thấp trũng, kể cả khi xây dựng các công trình điều tiết ven sông thì khả năng úng khi gặp mưa lớn vẫn xảy ra. Do vậy đề xuất xây dựng, bổ sung hệ thống trạm bơm điện (hầu hết là tưới, tiêu kết hợp) cho một số khu vực vẫn rất cần thiết để chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.  Đối với chống ngập cho các đô thị: các trạm bơm cũng có nhiệm vụ tương tự (tiêu thoát nước trong trường hợp mực nước sông cao, gặp thời tiết mưa lớn). Tất nhiên việc xây dựng các cống khép kín sẽ có khả năng hỗ trợ được việc tiêu thoát nước, trạm bơm là dự phòng cho những tổ hợp thời tiết bất lợi và sẽ được nghiên cứu đề xuất phù hợp theo từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong lưu vực. |  |
| **III** | **GS.TS Tăng Đức Thắng- Ủy viên phản biện** |  |  |
| 1 | Cần cập nhật thêm một số kết quả nghiên cứu về biến động dòng chảy mùa khô, suy giảm lũ lưu vực Mê Công từ các nghiên cứu của Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ NN-PTNT… | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã kế thừa một số kết quả nghiên cứu về dòng chảy thượng lưu của MRC, các đề tài nghiên cứu khoa học của Bộ Khoa học công nghệ, đặc biệt là số liệu từ Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 174/QĐ-TTg). |  |
| 2 | Thiếu tài liệu tham khảo trong Báo cáo tổng hợp, vì vậy một số loại thông tin chưa rõ ở thời gian nào (điều kiện tự nhiên, KTXH…). Cần bổ sung phần này vào tài liệu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Báo cáo tổng hợp đã có trình bày phần Tài liệu tham khảo (Trang 283 Báo cáo tổng hợp). Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và rà soát lại danh mục tài liệu tham khảo. |  |
| 3 | Vùng ĐBSCL thì ngoài Thời kỳ quy hoạch (2030) và Tầm nhìn (2050) còn cần thêm Viễn cảnh 2100, bởi Đồng bằng đang ở trong điều kiện biến động rất mạnh do các yếu tố ngoại biên và nội tại. Trong khi đó, rất nhiều công trình sẽ được đầu tư xây dựng (thường tuổi thọ 50-100 năm), nếu không xem xét đến viễn cảnh 2100 thì sẽ rất khó khăn trong việc nâng cấp để thích nghi với các điều kiện sau này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Thời kỳ và tầm nhìn quy hoạch đã được tuân thủ theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.  Quy hoạch đề xuất đầu tư các công trình, đặc biệt là các công trình lớn đã được chú ý xem xét đến yếu tố “không hối tiếc”, “ít hối tiếc”, để bảo đảm không có những mâu thuẫn khi cần nâng cấp sau này. |  |
| 4 | Cần xem lại thông tin dung tích hồ chứa thượng lưu năm 2022 là 88 tỷ m3 (con số này dường như là quá lớn, theo vài nghiên cứu gần đây chỉ vào khoảng 65-70 tỷ m3). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Số liệu về hiện trạng các hồ chứa thượng lưu, quy hoạch đã kế thừa vào số liệu của Ủy hội sông Mê Công Quốc tế. |  |
| 5 | Việc phân tích biến động một số thông số thủy văn (chủ yếu là mực nước) theo các giai đoạn chưa gắn với sự thay đổi các yếu tố tác động (chẳng hạn phát triển hồ chứa và sử dụng nước thượng lưu, triều biển) nên chưa làm rõ được xu thế và mức độ thay đổi. Thường giai đoạn phân tích ngắn (trong vòng dưới 20-30 năm) chỉ nói lên xu thế thay đổi trong giai đoạn đó, không phản ảnh được xu thế thay đổi có tính quy luật theo yếu tố ảnh hưởng. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Số liệu thủy văn các trạm được Quy hoạch thu thập và dùng để phân tích đều có liệt số liệu từ 40-50 năm, đảm bảo các quy định trong tính toán. |  |
| 6 | Chưa thấy trình bày phân tích cả định tính và định lượng biến động dòng chảy (lũ, kiệt) trong tương lai theo các yếu tố tác động (đặc biệt là phần thượng lưu), đặc biệt quan trọng là dòng chảy kiệt. Đây là điểm rất quan trọng, cần được giải quyết đủ chi tiết. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các kịch bản nguồn nước trong tương lai được Quy hoạch xây dựng, kế thừa từ Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg), trong đó cũng đã xem xét đến các yếu tố ảnh hưởng đến nguồn nước: xây dựng hồ chứa thủy điện, thay đổi lượng mưa, thay đổi diện tích tưới, chuyển nước. |  |
| 7 | Về kiểm soát lũ Đồng Tháp Mười: Trong Quy hoạch chưa thấy đề xuất tuyến kiểm soát lũ biên giới (trước đây là tuyến Tân Thành-Lò Gạch), trong khi cũng chưa có cơ sở thỏa đáng để bỏ đi tuyến này. Đề nghị xem xét vấn đề này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Quy hoạch bổ sung đề xuất xây dựng tuyến kiểm soát lũ Tân Thành - Lò Gạch trong giai đoạn sau năm 2030. |  |
| 8 | Về kiểm soát lũ Tứ Giác Long Xuyên: do hiện nay lũ đang biến động rất phức tạp, cần phải theo dõi diễn biến và điều chỉnh; do vậy chưa nên thực hiện các cống bao vòng ngoài ven sông Hậu trong tương lai gần (dễ dẫn đến lãng phí). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các cống dọc sông Hậu được đề xuất với nhiệm vụ trong mùa lũ là kiểm soát lượng lũ vào nội đồng, bảo vệ an toàn cho hệ thống đê bao vòng trong; trong mùa khô các cống này sẽ điều tiết, nhồi nước vào nội đồng, nâng cao mực nước nội đồng để gia tăng khả năng cấp nước, nhiệm vụ này đặc biệt quan trọng đối với những năm ít nước, mực nước sông chính thấp. Đây là các cống có nhiệm vụ tổng hợp, cần phải vận hành suốt cả năm.  Việc xây dựng các cũng đã được phân kỳ rõ ràng: các cống vùng Tứ giác Long Xuyên sẽ xây dựng sau năm 2030, các cống vùng Tây sông Hậu xây dựng trước năm 2030. Việc phân kỳ này cũng đã được cân nhắc đến mức độ cần thiết, cấp bách của vấn đề cấp nước hơn so với kiểm soát lũ. |  |
| 9 | Xin lưu ý là hiện nay, hạ tầng ở thượng lưu Mê Công đang được đầu tư mạnh, nhất là hồ chứa, làm cho chế độ dòng chảy về Đồng bằng thay đổi rất lớn cả mùa lũ và mùa khô, đặc biệt dòng chảy mùa khô đang tăng lên mạnh (đã đề cập trên đây); vì vậy, việc đầu tư các công trình kiểm soát lũ và mặn trên Đồng bằng (nhất là vùng thượng và vùng giữa) cần phải rất thận trọng, cần thời gian để theo dõi, đánh giá thêm, tránh lãng phí. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các công trình thủy lợi được đề xuất hầu hết đều được xác định mục tiêu lợi dụng tổng hợp (phục vụ cả mùa lũ, mùa kiệt, vận hành linh hoạt phục vụ các mục tiêu chuyển đổi). Yếu tố “không hối tiếc” cũng được được đưa vào xem xét, đánh giá sự phù hợp với những sự biến động (về nguồn nước, về thay đổi đối tượng phục vụ) trong tương lai. |  |
| 10 | Thực tế hiện nay, hạ tầng thủy lợi trên ĐBSCL đã giải quyết khá tốt về nguồn nước cho những năm bình thường, kể cả những năm ít nước đến tần suất 75-85% (mặn xâm nhập cục bộ trong thời gian ngắn). Chỉ những năm rất ít nước (năm cực đoan thấp như 2016, 2020 với tần suất lũy tích khoảng 95%-97%) thì xâm nhập mặn mới gây ra vấn đề lớn. Trong khi đó, khả năng thích ứng của người dân ngày càng tốt hơn, có thể trữ nước phân tán, mương vườn, sử dụng trong vòng 1,5-2 tháng khi gặp mặn cao, kéo dài; do vậy, vấn đề chỉ tập trung vào năm cực đoan ít nước. Liên quan đến vấn đề này, việc xây dựng các công trình trên đầu các hệ thống “ngọt hóa”, ví dụ như trên sông Mang Thít… cần rất thận trọng, vì hiệu suất sử dụng thấp, dễ gây lãng phí, trong khi thủy lợi nội đồng/mương vườn đã có thể hỗ trợ giải quyết ở những thời điểm khó khăn (tần suất xảy ra không lớn). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hệ thống đê và cống dọc bờ nam sông Mang Thít với các nhiệm vụ: kiểm soát mặn xâm nhập vào vùng Nam Mang Thít với những năm mặn xâm nhập sâu; kiểm soát ngập trong mùa lũ; vận hành nhồi nước để tăng lưu lượng cấp cho nội vùng, tạo nguồn nước để các trạm bơm chuyển tiếp nước của Trà Vinh hoạt động. Hệ thống đê ngoài nhiệm vụ ngăn nước còn kết hợp phục vụ giao thông của vùng. Hiệu quả của những công trình này là hiệu quả tổng hợp, cả trong mùa lũ và mùa kiệt. |  |
| 11 | Hiện nay, vấn đề xâm nhập mặn đã được kiểm soát cơ bản là tốt, nhưng vấn đề hạn (thiếu nước ngọt) ở các vùng xa nguồn ngọt (các vùng ven biển trong các hệ thống ngọt hóa, các vùng xa sông Cửu Long như phần dưới của BĐCM, vùng Đông Long An (Cần Đước, Cần Giuộc). Đây là các hạn chế lớn nhất của thủy lợi vùng ven biển. Trong Quy hoạch đã trình bày các giải pháp giải quyết vấn đề này, nhưng còn thiên về nạo vét kênh mương. Một giải pháp có nhiều ưu điểm, là làm tuyến chuyển nước bằng kênh hở và bơm chuyền, rất chủ động trong mọi tình huống, hiểu quả cao, không phải đền bù nạo vét kênh. Một số nơi đã thực hiện và cho kết quả tốt (chẳng hạn, Dự án Nhật Tảo-Tân Trụ (Long An) đã xây dựng trạm bơm đầu hệ thống, chủ động hoàn toàn nguồn nước; Dự án Nam Mang Thít (Trà Vinh) đã thử nghiệm cho một phần cuối hệ thống cũng rất tốt (dù chưa đầy đủ)… Do vậy, Quy hoạch nên xem xét thêm giải pháp này một cách mạnh mẽ hơn (cho DA Gò Công…). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp chuyển nước bằng trạm bơm cũng được Quy hoạch đề xuất xây dựng cho vùng Nam Cà Mau, tỉnh Cà Mau.  Riêng đối với vùng dự án Gò Công, việc bơm nước vào đầu nguồn (tại cống Xuân Hòa) cho hiệu quả không cao, việc cải tạo cửa van cống Xuân Hòa thành cưỡng bức đã được thực hiện nên việc vận hành lấy nước trong những thời điểm có nước ngọt rất chủ động. Vấn đề của vùng này hiện nay là nạo vét, cải tạo các trục dẫn nước, bổ sung một số trạm bơm cấp II để bơm nước trữ từ các kênh trục lên trữ ở các kênh nhánh. |  |
| 12 | Trong Quy hoạch có nêu về vấn đề ngăn sông Hàm Luông, cho rằng hiệu quả không cao (ít nhất là trong tương lai gần). Tôi hoàn toàn đồng ý với đánh giá này. Cụ thể là, một khi Bến Tre hoàn thành Dự án Bắc Bến Tre (đã có kế hoạch) và Nam Bến Tre (đang dần hoàn thiện) thì nguồn nước cho Bến Tre là hoàn toàn đảm bảo, kể cả năm cực đoan như 2019-2020. Trong khi đó, Tiền Giang cũng đã cơ bản giải quyết tốt nguồn nước, kể cả năm cực đoan. Như vậy sẽ không thấy vai trò (đáng kể nào) của cống Hàm Luông. Tương tự như vậy đối với những cống khác ở cửa sông Cửu Long. Xin nhắc lại là hiện nay nguồn nước ngọt từ thượng nguồn vẫn đang trong xu thế gia tăng (đến khoảng 2040-2050), còn biến động triều thì tăng nhẹ dần (chưa có dấu hiệu tăng đột biến), nên xâm nhập mặn khó có thể gia tăng đột biến; tuy vậy, do khai thác cát quá lớn nên có tác động gia tăng mặn ở mức đáng kể; tổng hợp tác động của các yếu tố sẽ dẫn đến mặn có biến động, nhưng không gia tăng lớn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đầu tư cống Hàm Luông vẫn có những tác động tích cực về nguồn nước với khu vực dự án Bắc Bến Tre và Nam Bến Tre (kiểm soát mặn, kiểm soát mực nước, tiêu thoát nước…). Tuy nhiên tác động lên dòng chính sông Tiền thì khá nhỏ. Do vậy ngoài việc tiếp tục triển khai đầu tư cống Hàm Luông, Quy hoạch cũng kiến nghị tiếp tục nghiên cứu xây dựng thêm cống Cổ Chiên và cống Cung Hầu để tạo thành cụm công trình kiểm soát lớn, gia tăng việc điều hành chủ động cho cả khu vực ven biển. |  |
| 13 | Việc lựa chọn tổ hợp tần suất tính toán tiêu thoát lũ và triều cường (trang 184): chưa thấy trình bày tổ hợp tần suất tính toán của các yếu tố. Nếu chọn tổ hợp theo tần suất thiết kế của từng yếu thì tần suất xảy ra sự kiện sẽ rất nhỏ (rất ít khi xảy ra) là chưa hợp lý. Cần lựa chọn tổ hợp tần suất, trong đó lấy yếu tố tác động chính theo tần suất, còn các yếu tố khác phải lấy tương ứng khi yếu tố chính xảy ra (cần phân tích số liệu thực tế). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Thời đoạn tiêu thoát nước của Đồng bằng kéo dài từ tháng V đến tháng XI, trùng với thời kỳ mùa lũ. Do vậy tổ hợp tính toán tiêu thoát nước được lựa chọn là: lũ (1-2%) + triều thiết kế (5%) + mưa thiết kế (10%). |  |
| 14 | Ngập nước là vấn đề rất lớn của ĐBSCL, đang dần thể hiện rõ. Nếu có điều kiện, Quy hoạch nên có phân tích toàn cảnh các khả năng xảy ra ngập nước trong tương lai (2050) ứng với các yếu tác động. Từ đó nêu ra kịch bản giải quyết bài toán ngập tổng thể. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất các giải pháp thủy lợi chống ngập úng cho các khu vực đô thị, cũng như bảo vệ khu vực nông nghiệp. Tuy nhiên các yếu tố tính toán cũng căn cứ theo các quy định, quy phạm hiện thời và số liệu thống kê hiện tại. Trong tương lai, nếu có các biến động vượt tần suất như hiện tại sẽ cần có các giải pháp kiểm soát mạnh hơn, trong đó các công trình kiểm soát cửa sông là một giải pháp có tính chất lâu dài, giúp đồng bằng chủ động hơn trong nhiều trường hợp. |  |
| 15 | Cơ bản thống nhất với danh mục đề xuất trong quy hoạch. Tuy vậy, còn một số vùng chưa được đề cập trong quy hoạch: Vùng Trần Văn Thời (tỉnh Cà Mau): đây là vùng sinh thái ngọt, ngập mưa rất lớn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Huyện Trần Văn Thời (tỉnh Cà Mau) thuộc tiểu vùng II, III Bắc Cà Mau. Trong danh mục đề xuất đã bao gồm danh mục xây dựng hệ thống trạm bơm phục vụ tiêu thoát nước cho tiểu vùng, nâng cấp các hệ thống nội đồng (đê bao và các công trình phụ trợ). |  |
| 16 | Cần xem xét lại một số công trình sau:  - Công trình Cống Xẻo Chít (Bạc Liêu): xem lại Cống Cái Lớn và HT. QL-PH đã vận hành hợp lý chưa?  - Các công trình phân ranh Bắc kênh QL-PH (Bạc Liêu): Trong tương lai gần, khi cống âu Tắc Thủ hoàn thành, mặn-ngọt sẽ được kiểm soát, cả vùng Thới Bình, Giá Rai (Bắc QL1A) có khả năng chuyển thành mô hình tôm-lúa, và lịch sản xuất cũng đồng nhất cho cả vùng Bắc kênh Bạc Liêu – Cà Mau, lúc bấy giờ việc xây dựng hệ thống phân ranh nêu trên là không cần thiết. Nếu có đưa vào Quy hoạch thì đưa vào giai đoạn sau 2030.  - Các công trình ven tả sông Tiền thuộc tỉnh Tiền Giang phía trên cống Nguyễn Tấn Thành: đưa vào quy hoạch, nhưng chuyển sang sau 2030. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Cống Xẻo Chít (Bạc Liêu): Việc vận hành các cống của QL-PH để cấp đủ mặn cho vụ nuôi tôm khu vực Hồng Dân của Bạc Liêu, mặn sẽ theo kênh Vĩnh Lộc, Ngàn Dừa xâm nhập qua rạch Xẻo Chít, ảnh hưởng đến Hậu Giang và Sóc Trăng. Nếu xây dựng cống Xẻo Chít sẽ hỗ trợ vận hành cho các cống của hệ thống QL-PH hoạt động hiệu quả hơn.  Hệ thống cống bờ Bắc kênh Quản Lộ - Phụng Hiệp (Bạc Liêu): đây là hệ thống công trình có tính chất điều tiết nguồn nước: trong mùa cấp nước mặn có thể điều tiết cấp cho các trục kênh đang cần nước, hoặc bố trí vận hành theo thứ tự để nâng cao đầu nước, hỗ trợ việc lấy nước của bà con; với vụ trồng lúa, hệ thống này sẽ hỗ trợ trữ nước ngọt, rửa mặn, tiêu thoát cho vụ lúa.  Các cống ven sông Tiền thuộc tỉnh Tiền Giang: Hiện nay phía sau cống Nguyễn Tấn Thành tỉnh Tiền Giang đã hoàn thành thêm được 4 cống nữa (đến cống Cây Còng). Việc đầu tư thêm một số cống nưa (đến cống Cái Côi) sẽ bảo đảm hoàn thiện hệ thống, khép kín bảo vệ cho khu vực trồng cây ăn trái tập trung trọng điểm của tỉnh Tiền Giang, bao gồm các loại cây cho hiệu quả kinh tế rất cao nhưng rất nhạy cảm với độ mặn. Các công trình này cũng chỉ ngang mức bảo vệ xâm nhập mặn của khu vực dự án Nam Bến Tre đang được đầu tư. |  |
| **IV** | **PGS.TS Phùng Chí Sỹ- Ủy viên phản biện** |  |  |
| 1 | Phần mở đầu, Mục 1.2: Sắp xếp lại các văn bản pháp lý theo hiệu lực và theo thời gian ban hành. Bổ sung, cập nhật các văn bản pháp lý liên quan đến hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:** Các văn bản pháp luật ở Mục 1.2 được sắp xếp dựa trên mức độ quan trọng (tính hiệu lực) và tính chất liên quan của văn bản tới báo cáo ĐMC, quy hoạch thủy lợi và theo thời gian ban hành.  Cơ quan lập quy hoạch đã bổ sung các văn bản pháp lý liên quan đến hướng dẫn thi hành Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024 gồm: Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước 2023; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi. | Trang 5, 6 |
| 2 | Phần mở đầu, Mục 3: Rà soát, bổ sung đầy đủ các phương pháp áp dụng thực hiện ĐMC (Ví dụ : Phương pháp tính chỉ số chất lượng không khí và nước; Phân tích hệ thống theo mô hình DPSIR). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và bổ sung** mô tả hai phương pháp tính chỉ số chất lượng nước và phương pháp mô hình DPSIR vào Mục 3. | Trang 10 |
| 3 | Phần mở đầu, Mục 4: Bổ sung tên của đại diện cơ quan chủ trì lập quy hoạch vào danh sách thành viên tham gia lập báo cáo ĐMC (Bảng 0-2). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** tên của đại diện cơ quan chủ trì lập quy hoạch vào Bảng 0-2, mục 1. | Trang 15 |
| 4 | Chương 1, Mục 1.3: Bổ sung một số quy hoạch ngành tài nguyên và môi trường, bao gồm quy hoạch mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 680/QĐ-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** mối quan hệ giữa Quy hoạch lưu vực sông Cửu Long với các quy hoạch mà góp ý đề xuất tại Mục 1.3. | Trang 22, 23 |
| 5 | Chương 2, Mục 2.1 (Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược): Cần bổ sung phạm vi không gian thực hiện đánh giá môi trường chiến lược là 13 tỉnh ĐBSCL trong mối quan hệ với các quốc gia thượng nguồn và biển Đông, biển Tây. Về kỳ của quy hoạch, nên thống nhất với các quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành là thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** phạm vi không gian thực hiện ĐMC theo ý kiến góp ý. Riêng đối với phạm vi thời gian, thực hiện theo Quyết định số 2667/QĐ-BNN-TCTL ngày 12/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán “Lập quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Theo đó, thời kỳ của Quy hoạch là 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Trang 46 |
| 6 | Chương 2, Mục 2.2.1: Cần thống nhất chuỗi số liệu đánh giá các thành phần môi trường đất; môi trường nước (nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ, nước trong các hệ thống thủy lợi); môi trường không khí là 10 năm (2011-2020). | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau**: Số liệu đánh giá các thành phần môi trường (đất, nước, không khí) trong báo cáo là số liệu chuỗi 6 năm (2016 - 2021), trong đó bộ số liệu được thu thập đồng bộ từ kết quả giám sát môi trường của các tỉnh năm 2021 và số liệu phục vụ báo cáo Đánh giá hiện trạng môi trường các tỉnh và Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020. Theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Phụ lục II.1b, Chương 2 thì Số liệu chuỗi thời gian được quy định ít nhất là 05 năm, nên chuỗi số liệu báo cáo vẫn đảm bảo theo quy định. Riêng một số số liệu khảo sát chất lượng nước ven bờ được thực hiện trong 02 năm 2022, 2023 là phần khảo sát thêm trong quá trình lập quy hoạch, phục vụ đánh giá khả năng sử dụng nước biển ven bờ cấp cho nuôi trồng thủy sản. |  |
| 7 | Chương 2, Mục 2.2.2: Bổ sung thêm thông tin nhằm làm rõ ảnh hưởng của Quy hoạch giai đoạn trước tới cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, đa dạng sinh học. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Phụ lục II.1b, Mục 2.2.2, thì trong phần này chỉ mô tả khái quát quy mô, đặc điểm của các di sản thiên nhiên trong vùng thực hiện ĐMC, không có nội dung đánh giá ảnh hưởng của Quy hoạch giai đoạn trước tới cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh, đa dạng sinh học. |  |
| 8 | Chương 2, Mục 2.2.3: Cần thống nhất chuỗi số liệu đánh giá về kinh tế xã hội là 10 năm (2011-2020). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** số liệu đánh giá về kinh tế xã hội cập nhật đến năm 2022 (đảm bảo thể hiện chuỗi số liệu 10 năm 2011-2020). Cụ thể:  Về nền kinh tế chung: Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đánh giá trong giai đoạn 2010 - 2022; Nông - lâm - thủy sản đánh giá trong giai đoạn từ năm 2005 - 2022.  Về xã hội: Đánh giá diễn biến dân số và đời sống dân cư đánh giá trong giai đoạn từ năm 2010 - 2022. | Trang 83 đến 102 |
| 9 | Chương 3, Mục 3.1 (Đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường): Bổ sung đánh giá đầy đủ sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu Quy hoạch thủy lợi với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường của các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan. Bổ sung đầy đủ vào các bảng 3-1, 3-2 đối sánh với với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường của các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan (như góp ý tại mục 1.3 nêu trên). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** 3 quy hoạch vào phần đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường tại Mục 3.1, gồm: Quy hoạch mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.  Đã bổ sung phần so sánh quan điểm, mục tiêu với các quy hoạch nêu trên trong Bảng 3-4.  Riêng Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do quan điểm và mục tiêu về BVMT và PTBV của quy hoạch không rõ ràng, nên không thực hiện so sánh, đánh giá. | Trang 117, 118, 128, 129, 130 |
| 10 | Chương 3, Mục 3.2 (Các vấn đề môi trường chính): Cần chỉ rõ tiêu chí lựa chọn, xác định 06 vấn đề môi trường chính. Cần chính xác hóa tên các vấn đề môi trường chính (Ví dụ : (1) Thay đổi bất thường chế độ thủy văn dòng chảy trên sông kênh; (2) Gia tăng tốc độ bồi lắng, xói lở bờ; (3) Suy giảm chất lượng nước trên sông kênh; (4) Xáo trộn cuộc sống và sinh kế của người dân; (5) Suy giảm đa dạng sinh học; (6) Suy giảm tài nguyên đất sản xuất). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu và chỉ rõ** tiêu chí để lựa chọn và xác định các vấn đề môi trường chính tại Mục 3.2.1 (Cơ sở xác định các vấn đề môi trường chính).  Đối với việc chính xác hóa các vấn đề môi trường chính: Rất khó để thực hiện do tác động của Quy hoạch tới môi trường bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực (như đã phân tích, đánh giá trong Mục 3.3.3 và Mục 3.4.1). Chỉ riêng vấn đề MT06, tác động tới tài nguyên đất sản xuất khá rõ ràng nên mới cụ thể được là: Suy giảm tài nguyên đất sản xuất. | Trang 131 |
| 11 | Chương 3, Mục 3.3 (Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án số 0)): Cần đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện quy hoạch (phương án số 0)) cụ thể, chi tiết hơn dựa trên kết quả điều tra, khảo sát, đánh gía xu hướng 6 vấn đề môi trường chính trong quá khứ (giai đoạn 2011-2020), từ đó dự báo đến năm 2030, 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** thêm một số diễn biến quá khứ của các vấn đề môi trường MT01 và MT03 trong Mục 3.3.3.1 và Mục 3.3.3.3.  Đối với các vấn đề môi trường MT02, MT04, MT05 và MT06 đã có thông tin về xu thế trong quá khứ và hiện trạng trong phần mở đầu tại các Mục 3.2.3.2, 3.3.3.4, 3.3.3.5 và 3.3.3.6. Thêm vào đó, xu thế về đời sống sinh kế của người dân, đa dạng sinh học và đất sản xuất cũng đã được mô tả khá kỹ trong các mục 2.2.3 và 2.2.2. | Trang 147, 150, 151 |
| 12 | Chương 3, Mục 3.4.1: Cần dự báo cụ thể, chi tiết, định lượng hơn xu hướng biến đổi của 06 vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Quy hoạch (Lưu ý phải định lượng các vấn đề môi trường chính đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trong trường hợp áp dụng các giải pháp nhằm đạt được các mục tiêu quy hoạch đến năm 2030, định hướng đến năm 2050). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung và giải trình như sau:** Trong các vấn đề môi trường chính, chỉ một số nội dung đã được định lượng, bao gồm: tổng lượng nước trong mùa lũ và kiệt, diện tích không bị ảnh hưởng bởi mặn trong mùa kiệt giai đoạn tới năm 2030 và 2050 (như trong nội dung đánh giá vấn đề MT01 và MT03).  Các nội dung còn lại (đa dạng sinh học, sinh kế của người dân, khả năng bồi lắng, xói lở...) ở giai đoạn này chỉ mới dừng lại ở nhận diện và đánh giá xu thế (định tính). Nếu phải định lượng, việc sử dụng quá nhiều giả thiết và số liệu ước tính, mức độ tin cậy của kết quả dự báo cũng sẽ không cao. Việc định lượng cụ thể và chi tiết phải tới giai đoạn lập dự án đầu tư khi đã có phương án thiết kế, các khảo sát kỹ thuật cụ thể, thực hiện ĐTM thì mới có thể thực hiện được.  Đồng thời, nội dung định lượng số ngày bị ảnh hưởng mặn tại các cửa lấy nước cũng đã được bổ sung thêm vào Mục 3.4.1.3. | Trang 182, 183 |
| 13 | Chương 3, Mục 3.4.2 (Tác động biến đổi khí hậu): Cần đánh giá, dự báo cụ thể hơn về tác động của Quy hoạch đến biến đổi khí hậu và ngược lại tới xu hướng biến đổi của 06 vấn đề môi trường chính. Nội dung đánh giá cần thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 1 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó biến đổi khí hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch bổ sung, giải trình như sau:** Theo hướng dẫn tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Phụ lục II.1b, Mục 3.4.2, báo cáo đã thực hiện đánh giá tác động của quy hoạch tới BĐKH (Mục 3.4.2.1), trong đó đã xác định được các nguồn gây phát thải khí nhà kính từ quy hoạch, tính toán lượng khí nhà kính khi thực hiện quy hoạch (với giả thiết các ngành kinh tế, sản xuất phát triển đúng theo quy hoạch). Báo cáo cũng đã đánh giá tác động của các kịch bản BĐKH tới Quy hoạch (Mục 3.4.2.2), bao gồm các tác động tích cực và tiêu cực (mang tính chất định tính).  Cơ quan lập quy hoạch đã thực hiện bổ sung thêm một số định lượng về tác động của BĐKH như theo yêu cầu của Thông tư 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. | Trang 191, 192 |
| 14 | Chương 4, Mục 4.1 (Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính): Cần trình bày cụ thể các giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật đối với 06 vấn đề môi trường chính. Ví dụ: Đối với vấn đề MT5, cần xác định mục tiêu, chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học; làm rõ biện pháp quản lý đối với các khu vực đa dạng sinh học cao, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** Mục 4.1 (Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính), trình bày cụ thể các giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật đối với 06 vấn đề môi trường. Mục 4.1.1, gồm:  Giải pháp suy giảm chất lượng nước là giải pháp về thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy trên sông kênh (MT1) và thay đổi chất lượng nước trên sông kênh (MT2).  Giải pháp về biến đổi chế độ xói lở bồi lắng (MT3).  Giải pháp về suy giảm đa dạng sinh học (MT4).  Giải pháp về suy giảm tài nguyên đất sản xuất (MT5).  Xây dựng cơ chế, chính sách về tái định cư và sinh kế của người dân (MT6). |  |
| 15 | Chương 4, Mục 4.2.1 (Công cụ quản lý môi trường) : Cần đề cập đầy đủ, chi tiết hơn về 4 nhóm công cụ quản lý môi trường (công cụ pháp luật, công cụ kỹ thuật, công cụ kinh tế, công cụ truyền thông). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** Mục 4.2 đề cập đầy đủ, chi tiết hơn về 4 nhóm công cụ quản lý môi trường (công cụ pháp luật, công cụ kỹ thuật, công cụ kinh tế, công cụ truyền thông). |  |
| 16 | Chương 4, Mục 4.2.2 (Về phân vùng môi trường): Đề nghị rà soát, bổ sung các đối tượng trong phân vùng môi trường (bao gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác) theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** Mục 4.2.2 Về phân vùng môi trường): Đã rà soát, bổ sung các đối tượng trong phân vùng môi trường (bao gồm vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, vùng khác) |  |
| 17 | Chương 4, Mục 4.2.3 (Về định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch): Cần bổ sung thông tin về các chương trình, dự án ưu tiên; những vấn đề môi trường cần tập trung đánh giá; các nhóm đối tượng có khả năng bị tác động và dự báo khu vực bị tác động theo mẫu được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** Mục 4.2.3 (Về định hướng thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư được đề xuất trong Quy hoạch): Cập nhật thông tin, định hướng danh mục các dự án ưu tiên được Quy hoạch đưa ra và trình bày rõ một số khía cạnh cần lưu ý khi thực hiện ĐTM cho các dự án được ưu tiên (các dự án thủy lợi). Bao gồm: Tác động môi trường do việc lựa chọn vị trí công trình của dự án đầu tư; Xác định các đối tượng và quy mô ảnh hưởng bởi dự án đầu tư; Định hướng các biện pháp giảm thiểu tác động của dự án đầu tư khi thực hiện ĐTM. |  |
| 18 | Chương 4, Mục 4.3: Cần mô tả chương trình quản lý, giám sát 6 vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch giải trình như sau:** Chương trình quản lý, giám sát các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện đối với Quy hoạch thủy lợi sẽ được thực hiện chi tiết trong ĐTM cho công trình thủy lợi cụ thể. Cơ quan lập quy hoạch đã xây dựng chương trình giám sát cơ bản cho các vấn đề môi trường chính: môi trường nước (thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy trên sông kênh - MT1 và thay đổi chất lượng nước trên sông kênh - MT2), chế độ xói lở bồi lắng - MT3, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học - MT4, môi trường đất - MT5, môi trường xã hội - MT5. Bổ sung thêm giám sát môi trường không khí do trong quá trình thi công dự án đầu tư sẽ có những tác động nhất định như ô nhiễm tiếng ồn, mùi, bụi... |  |
| 19 | Chương 5: Lập bảng tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn và giải trình việc tiếp thu kết quả tham vấn, hoàn thiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** đầy đủ các ý kiến đánh giá, nội dung giải trình và chỉnh sửa vào Chương 5, Mục 5.2.4. |  |
| **V** | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 10212/BKHĐT-KTNN ngày 11/12/2024)** |  |  |
| 1 | Về căn cứ lập quy hoạch: Hiện nay một số kế hoạch thực hiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực quốc gia; quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long, quy hoạch các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được ban hành, do đó đề nghị bổ sung vào căn cứ, đồng thời rà soát đảm bảo sự phù hợp với các quy hoạch đã được ban hành. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Căn cứ để lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông, theo quy định phải dựa vào các quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt, cụ thể ở đây bao gồm: các quy hoạch ngành quốc gia (Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch ngành quốc gia khác có liên quan: đường bộ, đường thủy, cảng biển, khoáng sản, điện lực…); Quy hoạch vùng (Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050); các quy hoạch cấp tỉnh.  Các căn cứ này đã được trình bày đầy đủ trong Phần Mở đầu, Mục 2 của Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Về thời kỳ quy hoạch: Thông thường thời kỳ quy hoạch là 10 năm, hiện thời kỳ quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long đang xây dựng là 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050, do đó đề nghị cân nhắc chỉnh sửa thời kỳ quy hoạch thành 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Quy hoạch sử dụng mốc thời gian hiện tại và dự báo tính toán đến năm 2030, và định hướng đến năm 2050. Do vậy, Cơ quan lập quy hoạch chọn kỳ quy hoạch 2022-2030. |  |
| 3 | Đối với nội dung Chương 1: Nghiên cứu bổ sung đánh giá thực trạng phân bổ sử dụng không gian của hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi theo phân vùng thủy lợi, đảm bảo theo đúng nội dung tiêu đề Chương 1 đã nêu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Báo cáo quy hoạch đã trình bày đánh giá về hiện trạng hạ tầng thủy lợi, bao gồm các loại hình công trình: công trình cấp và tiêu, thoát nước, công trình phòng chống lũ, hệ thống đê biển, hệ thống hồ trữ nước ngọt. Trong đó đã có thống kê, phân chia các công trình thủy lợi theo 3 tiểu vùng sinh thái: vùng ngọt, vùng ngọt - lợ, vùng mặn, phù hợp với Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 287/QĐ-TTg). |  |
| 4 | Nội dung Chương 2: Dữ liệu thông tin về nguồn nước, sử dụng nước của sông Mê Công có vai trò quan trọng, phục vụ công tác quy hoạch, chỉ đạo và vận hành công trình khai thác nước, do đó cần nghiên cứu, rà soát, dự báo, tính toán đầy đủ các thay đổi về tình hình khai thác, sử dụng nước của các quốc gia thượng nguồn lưu vực sông Mê Công. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong quá trình xây dựng các kịch bản nguồn nước về Đồng bằng sông Cửu Long trong tương lai, Quy hoạch đã kế thừa các kết quả nghiên cứu của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy hội Mê Công quốc tế về tác động của các quốc gia thượng nguồn đến nguồn nước. Kịch bản đề xuất cũng bảo đảm phù hợp với Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 174/QĐ-TTg). |  |
| 5 | Về danh mục dự án ưu tiên đầu tư: Đề nghị nên để là danh mục dự kiến để phù hợp với luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 15/01/2025. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung thêm từ “dự kiến” vào trong tên các danh mục của phần phụ lục. |  |
| 6 | Tại Điểm 2, Khoản 2, Điều 14 “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thủy lợi” của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật có liên quan đến quy hoạch quy định: “Quy hoạch thủy lợi bao gồm các loại sau: a) Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh; b) Quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 2 tỉnh trở lên”. Đề nghị làm rõ nội hàm của việc lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 có bao hàm 2 Quy hoạch theo quy định nêu trên hay không? Trường hợp việc lập quy hoạch theo quy định tại điểm a, đề nghị bổ sung thêm Quy hoạch quy định tại điểm b, nhằm tránh trùng lặp, chồng chéo một số nội dung của 02 quy hoạch (nếu tách rời), đảm bảo tính đồng bộ của Bản quy hoạch tại lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch lợi thủy quy định tại Luật Thủy lợi được điều chỉnh bởi Luật số 35/2018/QH14 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.  Theo đó, Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc loại Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh, không bao gồm loại Quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 2 tỉnh trở lên.  Đối với lưu vực sông Cửu Long bao gồm nhiều hệ thống thủy lợi liên tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ căn cứ vào tính chất quan trọng, sự cần thiết phải có quy hoạch thủy lợi chi tiết cho các hệ thống thủy lợi liên tỉnh để đề xuất lập quy hoạch phù hợp. |  |
| 7 | Tại Mục 4 của văn bản số 8414/BKHĐT-KTNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến: “Hiện nay Bộ Giao thông Vận tải đã và đang tổ chức triển khai các dự án đường bộ cao tốc khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long (cao tốc An Hữu - Cao Lãnh, Cần Thơ - Cà Mau), các địa phương cũng đang chuẩn bị đầu tư các tuyến đường bộ ven biển, theo đó dự báo sẽ có tác động, ảnh hưởng đến hệ thống thủy lợi hiện hữu trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm việc cụ thể với Bộ Giao thông Vận tải về sự ảnh hưởng của việc đầu tư từng tuyến quốc lộ, cao tốc đối với hệ thống thủy lợi của toàn vùng”  Tại Báo cáo giải trình, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau: “Trong quá trình lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch đã đưa các tuyến đường hiện trạng, tuyến đường quy hoạch vào mô hình tính toán để đánh giá những ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước, lũ, ngập lụt, úng. Khi triển khai các công trình giao thông cụ thể cần có đánh giá chi tiết hơn tác động đến công trình thủy lợi trong vùng”.  Việc giải trình nêu trên là chưa thuyết phục và mang tính chung chung do hiện nay các dự án này đang triển khai thi công, các địa phương đang chuẩn bị đầu tư các tuyến đường bộ ven biển. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất khi triển khai thực hiện Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các địa phương trong vùng đánh giá về tác động của các công trình giao thông đến hệ thống công trình thủy lợi trong Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hệ thống đường giao thông hiện trạng và quy hoạch theo các Quyết định phê duyệt của ngành giao thông đã được tích hợp trong tính toán, đánh giá của Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long. Việc đề xuất các giải pháp thủy lợi, danh mục công trình đầu tư đã có xem xét đến kết hợp với hệ thống hạ tầng giao thông. |  |
| 8 | Tại Mục 4 của văn bản số 8414/BKHĐT-KTNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến: “Tại trang 249 Báo cáo tổng hợp có tính toán hiệu ích kinh tế của Quy hoạch với số vốn đầu tư ban đầu là 126.525 tỷ đồng; NPV là 11.557 tỷ đồng; IRR là 15,69%. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm rõ quy định pháp lý phải tính toán nội dung định lượng này trong Quy hoạch; trường hợp quy định phải tính toán, cần làm rõ phương pháp, cơ sở, số liệu đẩu vào, doanh thu tính toán...”  Tại Báo cáo giải trình, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau: “Việc tính toán định lượng hiệu ích kinh tế của quy hoạch được quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2020”.  Việc tính toán các chỉ tiêu tài chính IRR, B/C, NPV… là đối với các dự án cụ thể thuộc Mục II.2.5 danh mục công trình, dự án, thứ tự ưu tiên của thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2020. Mặt khác giữa 2 lần trình khác nhau và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng chưa giải trình được phương pháp tính toán, bảng tính toán thể hiện các kết quả nêu trên. Do đó, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cân nhắc nội dung này trong Báo cáo tổng hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Việc tính toán định lượng hiệu ích kinh tế của quy hoạch được quy định tại Thông tư số 11/2020/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022.  Các chỉ số kinh tế được tính toán với tổng chi phí để thực hiện quy hoạch và hiệu ích tăng thêm khi thực hiện các giải pháp quy hoạch so với không thực hiện quy hoạch.  Các chỉ tiêu tài chính IRR, B/C, NPV… được tính theo các công thức toán học có sẵn, đã tích hợp trong Microsoft Excel. Tính toán chi tiết được trình bày trong báo cáo chuyên đề Thủy công - Kinh tế. |  |
| **VI** | **Bộ Tài nguyên – Môi trường (Công văn số 9196/BTNMT-TNN ngày 27/12/2.24)** |  |  |
| 1 | Tiếp tục rà soát, xem xét các giải pháp thực hiện quy hoạch, trong đó, có giải pháp công trình và phi công trình như: điều chỉnh các quy trình vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi; nghiên cứu, xây dựng quy trình vận hành liên công trình thủy lợi cho từng tiểu vùng và cho toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, đồng thời, đảm bảo lưu thông của dòng chảy trong hệ thống công trình, không gây ứ đọng, ô nhiễm nguồn nước; xây dựng hệ thống quan trắc độ mặn tự động để nâng cao tính chính xác, kịp thời trong công tác cảnh báo, dự báo về diễn biến xâm nhập mặn, phục vụ công tác vận hành công trình và giúp các cơ quan, tổ chức, người dân chủ động các giải pháp phòng, chống, ứng phó với tình hình xâm nhập mặn. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các giải pháp phi công trình đã được nghiên cứu đề xuất trong quy hoạch, trong đó giải pháp Xây dựng, hoàn chỉnh các quy trình vận hành hệ thống cũng đã được đề xuất. Danh mục công trình dự kiến đề xuất xây dựng, hoàn chỉnh 8 quy trình vận hành cho 8 hệ thống thủy lợi lớn của lưu vực. |  |
| 2 | Rà soát lại thời gian của chuỗi số liệu nghiên cứu trong quá khứ trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát, bổ sung** chuỗi số liệu nghiên cứu trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. |  |
| 3 | Tiếp tục rà soát, bổ sung đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến thủy lợi tại lưu vực sông Cửu Long theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát, bổ sung** đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro do biến đổi khí hậu đến thủy lợi tại lưu vực sông Cửu Long trong nội dung Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. |  |
| 4 | Về giải pháp ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu (Mục 4.1.3, trang 195 của báo cáo tổng hợp): đề nghị đổi tên tiêu đề thành “Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu”, đồng thời rà soát, phân tách rõ các giải pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** cụm từ: **“**thích ứng với biến đổi khí hậu” thành “ứng phó với biến đổi khí hậu” trong phần Mục tiêu tổng quát và các mục liên quan. |  |
| 5 | Rà soát, bổ sung các nội dung, giải pháp thực hiện Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long nhằm đảm bảo mục tiêu bảo tồn và sử dụng bền vững đất ngập nước lưu vực sông Cửu Long. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong Tầm nhìn và tư duy lập quy hoạch đã khẳng định “Thủy lợi gắn với không gian sống, không gian văn hóa, du lịch”. Trong các giải pháp quy hoạch thủy lợi cũng đã chú ý đến vấn đề bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước của lưu vực, ví dụ: xây dựng hệ thống thủy lợi để duy trì nguồn nước, bảo vệ các khu đất ngập nước: Tràm Chim, Gáo Giồng, hệ thống đê bao trữ nước để phòng chống cháy rừng cho Rừng quốc gia U Minh Thượng... |  |
| 6 | - Các nội dung liên quan đến khí tượng, thủy văn: rà soát lại và bổ sung đầy đủ “trích dẫn nguồn gốc thông tin, dữ liệu khí tượng, thủy văn” trong nội dung các Báo cáo của hồ sơ Quy hoạch; rà soát, bổ sung nội dung về đầu tư xây dựng, quan trắc và cung cấp thông tin khí tượng thủy văn đối với các công trình đập, hồ chứa nước thuộc loại quan trọng đặc biệt, các công trình loại lớn và loại vừa theo quy định tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Cập nhật, bổ sung trích dẫn nguồn gốc thông tin, dữ liệu trong Hồ sơ.  Đối với các công trình đập, hồ chứa nước thuộc loại quan trọng đặc biệt, các công trình loại lớn và loại vừa theo quy định tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP: trong phạm vi nghiên cứu của lưu vực sông Cửu Long không có các công trình thuộc loại này. |  |
| 7 | Cập nhật Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 và xem xét mối quan hê ̣của Quy hoạch được đề xuất với Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Cập nhật Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024) và bổ sung các nội dung liên quan đến quy hoạch trong Báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch. |  |
| 8 | Bổ sung các văn bản pháp lý hiện hành liên quan đến tài nguyên biển, hải đảo như: Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13; Luật biển Việt Nam số 18/2012/QH13; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Chính phủ về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1117/QĐ-TTg ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Phạm vi nghiên cứu của Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long được xác định là phần đất liền của 13 tỉnh trong lưu vực, không bao gồm vùng biển và các đảo. Các giải pháp/dự án thủy lợi đề xuất ít tác động đến vùng biển và môi trường biển trong vùng. Do vậy Quy hoạch không đưa các Luật và văn bản pháp luật có liên quan đến vấn đề trên vào trong căn cứ lập quy hoạch. |  |
|  |  |  |  |
| **VII** | **Bộ Tài chính (Công văn số 14020/BTC-HCSN ngày 20/12/2024)** |  |  |
| 1 | Căn cứ khoản 9, Điều 14 Luật Quy hoạch 2017, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; Tuy nhiên tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 phê duyệt quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 không giao Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn xây dựng quy hoạch thủy lợi chi tiết tại lưu vực sông Cửu Long. Do vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn làm rõ căn cứ pháp lý lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt xây dựng quy hoạch, đồng thời rà soát đảm bảo phù hợp với các quy hoạch có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Cơ sở pháp lý về lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành (Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long) được quy định tại Luật số 35/2018/QH14 và Nghị định số 53/2019/NĐ-CP ngày 17/6/2019. Đồng thời, tại Quyết định phê duyệt Quy hoạch Phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ) giao Bộ Nông nghiệp và PTNT tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi. |  |
| 2 | Đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn rà soát các nội dung tại dự thảo quy hoạch đảm bảo phù hợp quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã căn cứ vào các quy hoạch lĩnh vực tài nguyên nước: Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022); Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 174/QĐ-TTg ngày 6/3/2023). Do vậy nội dung quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long bảo đảm phù hợp các quy hoạch nêu trên. |  |
| 3 | Hiện nay Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đang xây dựng đề án phòng, chống sụt lún đất, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long; do vậy đề nghị rà soát bảo đảm các nội dung tại dự thảo quy hoạch không trùng lặp với đề án nêu trên, tránh chồng chéo trong triển khai thực hiện. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long tiếp thu, rà soát danh mục đề xuất trong quy hoạch, đảm bảo không trùng lắp nội dung với Đề án phòng, chống sụt lún đất, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. |  |
| 4 | Hồ sơ thẩm định Quy hoạch của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn mới chỉ nêu khái toán tổng nhu cầu vốn, chưa có đánh giá tác động ngân sách nhà nước, làm cơ sở để Bộ Tài chính có ý kiến tham gia cụ thể về kinh phí từ ngân sách nhà nước. Đồng thời Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn chưa đề xuất dự kiến tổng nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch trên cơ sở xác định rõ căn cứ, nội dung, cơ sở tính toán đề xuất kinh phí; phân chia nguồn kinh phí theo tính chất nguồn (chi đầu tư, chi thường xuyên), theo phân cấp ngân sách (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương) và nguồn kinh phí (nguồn ngân sách nhà nước; nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình, đề án khác, nguồn vốn huy động khác…), phân kỳ theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030 đối với từng nguồn vốn dự kiến huy động, kèm theo các giải pháp đảm bảo nguồn, vì vậy chưa có cơ sở để cơ quan tài chính tham gia ý kiến về khả năng bố trí nguồn vốn.  Do đó đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn bổ sung làm rõ tại hồ sơ quy hoạch các nội dung nêu trên theo hướng giảm dần sự hỗ trợ từ nguồn NSNN, NSNN chỉ đầu tư và hỗ trợ cho các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của NSNN theo phân cấp ngân sách, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách; huy động tối đa nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện; đồng thời đề nghị báo cáo cụ thể tại Tờ trình Thủ tướng Chính phủ để thấy nhu cầu và tác động tăng chi NSNN hàng năm khi thực hiện quy hoạch, không nêu kinh phí thực hiện tại dự thảo Quyết định phê duyệt do việc bố trí nguồn kinh phí NSNN thực hiện phụ thuộc vào khả năng cân đối NSNN hàng năm và đảm bảo tính linh hoạt trong công tác điều hành chung do quy hoạch thực hiện từ nhiều nguồn khác nhau. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Đã cập nhật, bổ sung phân bổ nguồn vốn thực hiện từng công trình theo: nguồn vốn trung ương, nguồn vốn địa phương, nguồn vốn xã hội hóa.  Về tiêu chí phân bổ nguồn vốn: Các công trình quan trọng, có ảnh hưởng liên vùng, liên tỉnh, có tính chất kỹ thuật phức tạp do Trương ương đầu tư; Các công trình lớn mà chỉ ảnh hưởng trong 1 tỉnh do ngân sách các địa phương đầu tư; Các công trình nhỏ, nội đồng do người dân hoặc doanh nghiệp đầu tư.  Về phân kỳ theo từng giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030: Giai đoạn đến năm 2025, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng như các địa phương đang thực hiện đầu tư theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025. Các công trình trong danh mục đầu tư này quy hoạch đã coi là công trình hiện trạng và đã cập nhật trong tính toán kịch bản nền. Do vậy, không đưa danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 vào Phụ lục đề xuất công trình đến năm 2030. Danh mục công trình đề xuất là các công trình cần thực hiện trong giai đoạn 2026-2030. |  |
| 5 | Đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn bổ sung làm rõ căn cứ đề xuất các dự án ưu tiên thực hiện tại 2 hồ sơ quy hoạch và rà soát lại danh mục các dự án theo hướng chỉ tập trung nguồn lực xây dựng dự án cần thiết để sử dụng nguồn tài chính tiết kiệm, hiệu quả; tránh chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, đề án, dự án khác đã được phê duyệt, các nhiệm vụ đã và đang triển khai thực hiện. Đối với từng dự án đề nghị xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, phối hợp tực hiện, kinh phí xác định, phân chia theo tính chất nguồn, phân cấp, nguồn vốn… nhu ý kiến nêu trên; rà soát danh mục dự án quy hoạch (danh mục dự án ưu tiên) và tiến độ thực hiện phù hợp với quy hoạch tỉnh (thành phố), quy hoạch ngành (thủy lợi, phòng chống thiên tai, tài nguyên nước…), quy hoạch vùng, quy hoạch Quốc gia, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Căn cứ đề xuất các dự án ưu tiên trong quy hoạch đã căn cứ vào các Quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt: Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, các quy hoạch cấp tỉnh (thành phố).  Tiếp thu rà soát, bổ sung: nhiệm vụ, mức đầu tư, nguồn vốn đối với từng dự án. |  |
| 6 | Đề nghị không xây dựng các dự án ưu tiên đối với các nhiệm vụ thường xuyên thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành địa phương đã và đang triển khai thực hiện hàng năm từ dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực chi phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** đảm bảo không trùng lắp các nhiệm vụ thường xuyên thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành và địa phương. |  |
| 7 | Đối với nguồn vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030, đề nghị rà soát theo thống báo số 506/TB-VPCP ngày 4/11/2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030 và căn cứ Nghị quyết Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ đầu tư công nguồn NSNN đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 để thực hiện theo quy định và pháp luật đầu tư công, pháp luật ngân sách nhà nước. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** danh mục đầu tư phù hợp với các văn bản pháp luật quy định. |  |
| **VIII** | **Bộ Công Thương (Công văn số 2080/ATMT-ATĐ ngày 29/11/2024)** |  |  |
| 1 | Về dự thảo Quyết định phê duyệt: Rà soát kỹ nội dung dự thảo với các căn cứ pháp lý để lập quy hoạch, bao gồm các quy hoạch, chiến lược, các Nghị quyết, Quyết định liên quan đã được Bộ Chính trị, Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt… đảm bảo đồng bộ, phù hợp, cụ thể hóa và nội dung của Quy hoạch tuân thủ các căn cứ nêu trên theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** bổ sung các căn cứ pháp lý để lập quy hoạch. |  |
| 2 | Về dự thảo Quyết định phê duyệt: Nghiên cứu Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 139/2024/QH15 ngày 28 tháng 6 năm 2024, để xây dựng các giải pháp thực hiện Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị quyết số 139/2024/QH15. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long được giới hạn phạm vi nghiên cứu là phần đất liền thuộc 13 tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  Trong Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông có đề xuất giải pháp dùng trạm bơm, đường ống cấp nước biển trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản từ ngoài khơi cách bờ 1-10km. Tuy nhiên vị trí đặt đường ống sẽ được nghiên cứu để không ảnh hưởng đến luồng chạy tàu ven biển.  Phạm vi không gian biển ảnh hưởng nhiều đến quy hoạch tuyến đê biển, sẽ nằm trong phạm vi quy hoạch đê biển do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai. |  |
| 3 | Về dự thảo Quyết định phê duyệt: Rà soát tổng nhu cầu sử dụng đất để triển khai thực hiện Quy hoạch tại Mục VII Điều 1 dự thảo Quyết định phê duyệt và các tài liệu khác có liên quan đảm bảo thống nhất số liệu về diện tích đất sử dụng trong Quy hoạch (theo dự thảo Quy hoạch, tổng nhu cầu sử dụng khoảng 39.118ha, trong đó nhu cầu đất đến năm 2030 là 20.664ha; nhu cầu đất sau năm 2030 là 18.453ha, hiện Quy hoạch đang thiếu 01ha) | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Nhu cầu đất sau năm 2030 là 18.454ha |  |
| 4 | Về danh mục các dự án ưu tiên trong Quy hoạch: Tờ trình có thuyết minh ngoài các công trình ưu tiên thực hiện được cập nhật theo các Quy hoạch cấp trên thì Quy hoạch này có bổ sung các dự án, công trình thủy lợi mới. Tuy nhiên báo cáo tổng hợp chưa thể hiện được các luận chứng về các công trình mới này nên không có cơ sở để cho ý kiến về sự cần thiết cũng như khả năng bảo đảm nguồn lực thực hiện các dự án mới này. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong Dự thảo Quyết định đã nêu những tiêu chí để xác định các công trình ưu tiên đầu tư, bao gồm:  Phù hợp với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch liên quan thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, như: Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi, Quy hoạch tài nguyên nước, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long và Quy hoạch tỉnh, thành phố trong lưu vực.  Phù hợp khả năng bố trí, huy động nguồn lực cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi, khả năng bố trí, huy động nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi của các địa phương thuộc lưu vực sông Cửu Long.  Ưu tiên các công trình có quy mô vừa và lớn, tác động liên vùng, liên tỉnh; công trình cống kiểm soát nguồn nước dọc sông Tiền, sông Hậu; nạo vét kênh trục chuyển nước; công trình trữ nước; hoàn thiện hệ thống thủy lợi. |  |
| **IX** | **Bộ Giao thông vận tải (Công văn số 13096/BGTVT-KHĐT ngày 3/12/2024)** |  |  |
| 1 | Tại Báo cáo chính (trang 157, 158) chưa đánh giá cụ thể về sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của ngành giao thông vận tải, đặc biệt cần đánh giá ảnh hưởng đến giao thông đường thủy nội địa khi đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy lợi. Đề nghị bổ sung, làm rõ thêm. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu bổ sung đánh giá vấn đề kết hợp các công trình thủy lợi với vấn đề phục vụ giao thông thủy của hệ thống kênh, cống tại Mục 3.1.2 Báo cáo tổng hợp | Trang 159 |
| 2 | Phụ lục I Danh mục đầu tư xây mới/nâng cấp cống hở: Báo cáo đã đưa ra danh mục đầu tư các dự án cho giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030; tuy nhiên mới chỉ đề xuất giá trị tổng mức đầu tư cho một số dự án (cả giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030); một số dự án chưa có giá trị tổng mức đầu tư. Như vậy, tổng vốn đầu tư được đề xuất trong Báo cáo Quy hoạch chưa đầy đủ do chưa cập nhật nhu cầu vốn đầu tư của các dự án đã có tên trong danh mục mà chưa có giá trị tổng mức đầu tư. Đề nghị nghiên cứu bổ sung, cập nhật. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Một số công trình không ghi vốn đầu tư do đã có trong Danh mục đầu tư công trung hạn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hoặc kế hoạch đầu tư của các địa phương giai đoạn 2021-2025, do vậy chỉ ghi tên trong danh mục mà không ghi vốn (đã bố trí vốn). |  |
| 3 | Ngoài ra, từ Phụ lục I đến Phụ lục V, đề nghị bổ sung 02 cột ghi chú về nguồn vốn đầu tư (vốn ngân sách nhà nước; vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các danh mục công trình đầu tư, đơn vị tư vấn có dự kiến sơ bộ nguồn vốn thực hiện (Vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, xã hội hóa, doanh nghiệp). Tuy nhiên khi triển khai thực hiện quy hoạch, có thể có những điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Do vậy không ghi cụ thể nguồn vốn cho từng công trình trong Quyết định phê duyệt. |  |
| 4 | Về dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Phần căn cứ: đề nghị bổ sung Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đã có trong phần Căn cứ lập quy hoạch. | Trang 1 |
| **X** | **Bộ Xây dựng (Công văn số 7078/BXD-HTKT ngày 25/12/2024)** |  |  |
| 1 | Hiện nay, Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các tỉnh trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch có liên quan (uy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia,... và Chiến lược thủy lợi Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,...), đề nghị rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung thuộc các quy hoạch, chiến lược và kế hoạch triển khai đã được phê duyệt nhằm đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Căn cứ để lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông, theo quy định phải dựa vào các quy hoạch cấp trên đã được phê duyệt, cụ thể ở đây bao gồm: các quy hoạch ngành quốc gia (Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch ngành quốc gia khác có liên quan: đường bộ, đường thủy, cảng biển, khoáng sản, điện lực…); Quy hoạch vùng (Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050); các quy hoạch cấp tỉnh.  Các căn cứ này đã được trình bày đầy đủ trong Phần Mở đầu, Mục 2 của Báo cáo tổng hợp. |  |
| 2 | Đề nghị xem xét, bổ sung mục tiêu cụ thể đến năm 2030 của dự thảo quyết định phê duyệt Quy hoạch thủy lợi nhằm bảo đảm kết nối tiêu, thoát nước cho các đô thị của vùng, phòng, chống ngập úng do nước mặt gây ra. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong dự thảo quyết định phê duyệt đã có nội dung Mục tiêu cụ thể đến năm 2030, trong đó bao gồm các mục tiêu về tiêu thoát nước cho đô thị, mục tiêu về phòng, chống lũ, chống ngập úng. |  |
| 3 | Rà soát, làm rõ nội hàm của việc lập quy hoạch thủy lợi nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp với nội dung “Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông liên tỉnh” và “Quy hoạch thủy lợi của hệ thống công trình thủy lợi liên quan từ 2 tỉnh trở lên” được quy định tại điểm 2 khoản 2 Điều 14 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018, Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc loại quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành, thuộc loại quy hoạch thủy lợi lưu vực vực sông liên tỉnh. Trong lưu vực sông Cửu Long có một số hệ thống thủy lợi liên quan từ 2 tỉnh trở lên. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sẽ căn cứ vào sự cần thiết phải có quy hoạch chi tiết hơn để đề xuất lập các quy hoạch cho các hệ thống thủy lợi liên tỉnh này. |  |
| 4 | Rà soát điều chỉnh thời kỳ lập quy hoạch đảm bảo phù hợp với thời kỳ của các quy hoạch đã được phê duyệt là 10 năm. Chỉnh sửa thời kỳ quy hoạch như sau: Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2050 | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quy định tại Luật số 35/2018/QH14 quy hoạch thủy lợi được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn là từ 30 năm đến 50 năm. Thời kỳ quy hoạch là khoảng thời gian được xác định để làm cơ sở dự báo, tính toán các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho việc lập quy hoạch. Quy hoạch sử dụng mốc thời gian hiện tại và dự báo tính toán đến năm 2030, và định hướng đến năm 2050. Do vậy, Cơ quan lập quy hoạch chọn kỳ quy hoạch 2022-2030. |  |
| 5 | Nghiên cứu, rà soát và chỉnh sửa danh mục các dự án ưu tiên đầu tư dự kiến nhằm đảm bảo phù hợp Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư có hiệu lực từ ngày 15/1/2025 | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung thêm từ “dự kiến” vào trong tên các danh mục của phần phụ lục. |  |
| 6 | Tại Phụ lục I Danh mục đầu tư xây mới/nâng cấp cống hở giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030 mưới chỉ đề xuất giá trị tổng mức đầu tư cho một số dự án (cả giai đoạn đến năm 2030 và sau năm 2030); một số dự án chưa có giá trị tổng mức đầu tư, đề nghị nghiên cứu, bổ sung, cập nhật nhu cầu vốn đầu tư của các dự án đã có tên trong danh mục mà chưa có tổng mức đầu tư. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Rà soát, bổ sung vốn đầu tư các công trình/dự án trong Phụ lục I. |  |
|  |  |  |  |
| **XI** | **Ông Lê Văn Sử, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, Ủy viên** |  |  |
| 1 | Đề nghị nghiên cứu, tính toán phương án phân vùng ngọt cho vùng U Minh Hạ, có giải pháp thủy lợi phù hợp. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Vùng U Minh Hạ thuộc huyện Trần Văn Thời và U Minh của tỉnh Cà Mau. Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long đã kế thừa kết quả trong Quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó xác định đây là vùng sinh thái ngọt, bao gồm cả diện tích Vườn quốc gia U Minh Hạ. Do vậy trong quy hoạch này cũng đã đề xuất giải pháp cấp nước ngọt hỗ trợ cho vùng. |  |
| 2 | Xem xét giải pháp chống ngập cho cả vùng, trong đó cần kiểm soát vòng ngoài, xây dựng các cống kiểm soát trên sông lớn như: cống Gành Hào, cống Sông Đốc… | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thống nhất định hướng kiểm soát ngập theo các vùng lớn, đã đề xuất xây dựng các công trình cửa sông lớn: Gành Hào, Sông Đốc |  |
| 3 | Rà soát danh mục công trình đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** lại danh mục công trình thủy lợi đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau. |  |
| **XII** | **Ông Nguyễn Phước Thiện, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Ủy viên** |  |  |
| 1 | Đề nghị xem xét hạn chế đầu tư xây dựng kè, tăng cường giải pháp nạo vét sông, kênh. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông đã đề xuất các giải pháp tổng thể chống sạt lở bờ sông, kênh, các dự án đầu tư chống sạt lở cụ thể sẽ được đầu tư theo các quy hoạch tỉnh và các đề án khác. |  |
| 2 | Xem xét đề xuất giải pháp quản lý chất lượng nước, trong đó đề xuất các kênh, rạch được phép nuôi trồng thủy sản. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Về quản lý chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi, quy hoạch đã đề xuất giải pháp phi công trình là xây dựng, hoàn thiện các quy trình vận hành hệ thống, trong đó việc vận hành công trình ngoài bảo đảm phục vụ hiệu quả cho các đối tượng dùng nước, còn có nhiệm vụ bảo vệ, duy trì chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi. |  |
| 3 | Nghiên cứu bổ sung giải pháp phi công trình: Di dời dân các hộ dân sống ven sông, kênh để phục vụ công tác nạo vét, nhất là khu vực biên giới. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã đề xuất giải pháp phi công trình: Sắp xếp, quản lý dân cư sống ven kênh rạch, bảo đảm hành lang công trình thủy lợi |  |
| 4 | Thống nhất giải pháp chống ngập theo hình thức vòng ngoài. Đồng thời nghiên cứu xây dựng kịch bản giải quyết ngập đô thị do kết hợp triều cường và mưa lớn kéo dài. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Giải pháp tổng thể chống ngập cho lưu vực sông Cửu Long sẽ là xây dựng các công trình với quy mô lớn, bao vòng ngoài, đối với các khu vực úng cục bộ do mưa sẽ đầu tư thêm các trạm bơm tiêu cho từng khu vực. |  |
| **XIII** | **Ông Trần Duy Hùng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy viên** |  |  |
| 1 | Đề nghị rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** lại các văn bản pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. |  |
| **XIV** | **Ông Nhữ Văn Cẩn, Phó cục trưởng Cục Thủy sản, Ủy viên** |  |  |
| 1 | Xem xét thuật ngữ nuôi trồng thủy sản đã bao gồm vùng sản xuất giống chưa. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các vùng nuôi trồng thủy sản nói riêng, cũng như bố trí các mô hình sản xuất của vùng nói chung, được xác định trong quy hoạch được kế thừa từ các quy hoạch cấp tỉnh trong lưu vực mới được phê duyệt. |  |
| 2 | Bỏ các thuật ngữ “siêu thâm canh”, “quảng canh cải tiến” vì chưa có trong văn bản quy phạm pháp luật. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bỏ các thuật ngữ “siêu thâm canh”, “quảng canh cải tiến” trong báo cáo quy hoạch. |  |
| 3 | Về tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên: Bổ sung căn cứ tiêu chí chuyên ngành. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong các tiêu chí lựa chọn dự án ưu tiên, quy hoạch đã có đề xuất tiêu chí ưu tiên cho các vùng thường xuyên hạn hán, xâm nhập mặn, vùng nông nghiệp có giá trị cao |  |
| 4 | Rà soát loại bỏ các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn hết hiệu lực. Cập nhật TCVN/QCVN: TCVN 13656, 13951, 13952… | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu cập nhật các tiêu chuẩn, quy chuẩn:  Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13952:2024 Nước nuôi trồng thủy sản - nước ngọt - yêu cầu chất lượng.  Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13656:2023 Nước nuôi trồng thủy sản - Chất lượng nước nuôi thâm canh tôm sú, tôm thẻ chân trắng. |  |
| **XV** | **Ông Nguyễn Như Cường, Phó vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Ủy viên** |  |  |
| 1 | Làm rõ hơn về tính gắn kết với quy hoạch kết cấu hạ tầng có liên quan. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông cũng đã có đánh giá sự liên kết giữa hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan (giao thông, xây dựng, thông tin liên lạc...) |  |
| 2 | Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cơ bản đảm bảo, tuy nhiên cần rà soát, bổ sung về một số quy hoạch liên quan trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, rà soát** các quy hoạch liên quan trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. |  |
| 3 | Cần đánh giá kỹ hơn về vấn đề ngọt- mặn ở các vùng không ổn định vì các vùng này không mặn hoặc ngọt thường xuyên mang tính bất thường để đưa ra các giải pháp phù hợp về giải pháp công trình và phi công trình. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Phân vùng quy hoạch đã kế thừa kết quả của Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg), trong đó đã xác định ranh giới các vùng: ngọt, ngọt - lợ, mặn. Các giải pháp thủy lợi đề xuất có mục tiêu giúp các vùng sản xuất ổn định với các mô hình sinh thái đã xác định. |  |
| 4 | Nguyên ngập úng không phải do lũ thường nguồn mà do vấn đề điều tiết nước trong nội vùng, do đó cần có giải pháp tổng thể cả vùng, chứ không nên giải quyết riêng rẽ cho từng thành phố, khu vực. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Quy hoạch đã xác định nguyên nhân gây ngập úng của lưu vực là tổ hợp của: lũ, triều và mưa. Các giải pháp chống ngập úng sẽ bao gồm: các giải pháp tổng thể chống ngập úng cho cả vùng, kết hợp các giải pháp tiêu thoát cục bộ cho từng khu vực. |  |
| **XVI** | **UBND thành phố Cần Thơ** |  |  |
|  | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ thống nhất các nội dung tại dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. | Thống nhất hồ sơ quy hoạch |  |
| **XVII** | **UBND tỉnh Đồng Tháp** |  |  |
| 1 | Trang 84, Bảng 1-22: Diện tích lúa các tỉnh đăng ký thực hiện Đề án: 6. Tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 là 8.000 ha, đến năm 2030 là 163.000 ha | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** diện tích đăng ký thực hiện Đề án của tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 là 161.000ha trong Bảng 1-22 và Bảng 5-1 | Trang 84  Trang 168 |
| 2 | Trang 96 Hiện trạng công tác quản lý công trình thủy lợi  b) Tổ chức quản lý cấp huyện  - Bên cạnh, có loại hình Công ty Cổ phần (Vinaconex) quản lý 39 trạm bơm vừa và nhỏ tỉnh Đồng Tháp | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Bỏ hình thức quản lý công trình thủy lợi loại hình Công ty Cổ phần của tỉnh Đồng Tháp do hình thức quản lý này không còn tồn tại. | Trang 96 |
| 3 | Trang 168, Bảng 5-1: Diện tích đăng ký thực hiện đề án lúa chất lượng cao: 6. Tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030 là 168.000 ha | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** số liệu đăng ký thực hiện đề án lúa chất lượng cao của tỉnh Đồng Tháp là 161.000ha (Bảng 5-1) | Trang 168 |
| 4 | Trang 195 Mục 5.3.5. Phương án kiểm soát lũ Đối với vùng ĐTM, để giảm lượng lũ chảy vào vùng trung tâm, bố trí các đập tràn Trà Đư 1,2, Trung tâm 1,2 để tăng khả năng thoát qua lộ Hồng Ngự - Vĩnh Xương | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  **“**Đối với vùng Đồng Tháp Mười, để giảm lượng lũ chảy vào vùng trung tâm, bố trí các đập tràn Trà Đư 1, 2, Trung tâm 1, 2 để tăng khả năng thoát qua lộ Hồng Ngự - Vĩnh Hưng” tại Mục 5.3.5 | Trang 195 |
| 5 | Trang 242 Bảng 6-2: Diện tích vùng chuyên canh lúa CLC các tỉnh ĐBSCL: 6. Tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025 là 25.079 ha, đến năm 2030 là 168.000 ha | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, chỉnh sửa như sau:**  Tiếp thu bỏ Bảng 6-2, do nội dung này đã thể hiện tại Bảng 5-1. |  |
| 6 | Trang 340, 341 Phụ lục III: Danh mục Hệ thống kênh thoát lũ vùng Đồng Tháp Mười:  - Kênh Hưng Điền tỉnh Đồng Tháp  - Kênh Cái Bèo, Kênh Cần Lố tỉnh Tiền Giang  - Kênh 307, Kênh Nguyễn Văn Tiếp | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** trong Phụ lục III như sau:  - Kênh Hưng Điền tỉnh Long An  - Kênh Cái Bèo, Kênh Cần Lố tỉnh Đồng Tháp  - Kênh 307, Kênh Nguyễn Văn Tiếp tỉnh Đồng Tháp – Tiền Giang | Trang 340, Trang 341 |
| 7 | Trang 387 Phụ lục VIII: Danh mục công trình ưu tiên:  Nạo vét các kênh trục vùng Đồng Tháp Mười  - Kênh Hưng Điền tỉnh Đồng Tháp | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, điều chỉnh** trong Phụ lục VIII như sau:  - Kênh Hưng Điền tỉnh Long An | Trang 387 |
|  |  |  |  |
| **XVIII** | **UBND tỉnh Cà Mau (Công văn số 10855/UBND-XD, ngày 23/12/2024; Công văn số 10094/UBND-XÂY DỰNG, ngày 28/11/2024)** |  |  |
| 1 | Công trình chuyển nước cho vùng Bắc Cà Mau để phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất hay nước mưa tại chỗ; cần cân nhắc kĩ về giải pháp công trình, chi phí lợi ích một cách hợp lý | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hệ thống công trình chuyển nước cho vùng Bắc Cà Mau, gồm các dự án đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án đầu tư: sửa chữa cống âu Tắc Thủ, một số cống vùng Quản Lộ - Phụng Hiệp… nên không đề cập trong phần giải pháp của Quy hoạch này.  Nhiệm vụ của hệ thống này là cấp nước ngọt bổ sung cho vùng II, III Bắc Cà Mau vào các tháng đầu mùa khô để phục vụ sản xuất, giảm nguy cơ sụt lún do mực nước kênh hạ thấp. |  |
| 2 | Cân nhắc công trình chuyển nước cho vùng Nam Cà Mau. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo tính toán của Tư vấn thì khả năng chuyển nước ngọt của hệ thống hiện tại chỉ đủ nguồn cấp cho khoảng 25.000ha vùng Nam Cà Mau. Do vậy, Quy hoạch chỉ đề xuất các công trình cấp nước ngọt bổ sung hỗ trợ cho các tiểu vùng I, II, III, IV Nam Cà Mau. |  |
| 3 | Ngoài việc đầu tư khép kín toàn bộ vùng kiểm soát đối với tỉnh Cà Mau (cống Gành Hào, cống Sông Đốc nhằm kiểm soát triều cường, phối hợp các công trình khác cấp nước cho vùng Nam Cà Mau) như trong hồ sơ Quy hoạch đã nêu. Đề nghị bổ sung thêm hệ thống cống kiểm soát cửa sông dưới đê biển Đông tỉnh Cà Mau gồm 52 cống và các cống kiểm soát dưới đê bao Sông Gành Hào, Kênh Xáng Cà Mau - Bạc Liêu thuộc Tiểu vùng I - Nam Cà Mau và các cống kiểm soát dưới đê bao Nam Sông Đốc thuộc Tiểu vùng IV - Nam Cà Mau gồm 16 cống. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung như sau:**  Hệ thống 52 cống trên đê Đông Cà Mau sẽ được cập nhật, đầu tư trong Quy hoạch hệ thống đê biển đang được thực hiện.  Quy hoạch đã bổ sung danh mục 16 cống Tiểu vùng I và tiểu vùng IV Nam Cà Mau. |  |
| 4 | Để tiếp tục đầu tư, nâng cao năng lực tiêu, thoát nước cần nạo vét các sông, kênh rạch kết hợp giao thông thuỷ phục vụ tiêu, thoát nước cho vùng sản xuất nông nghiệp, khu dân cư tập trung… Kiến nghị bổ sung danh mục nạo vét nạo vét sông, kênh rạch tỉnh Cà Mau, bao gồm 41 công trình. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung như sau:**  Bổ sung danh mục nạo vét hệ thống kênh tỉnh Cà Mau. Trong đó một số sông Lớn (Cửa Lớn, Bảy Háp…) có chức năng chính là giao thông thủy nên sẽ để ngành giao thông đầu tư.  Điều chỉnh một số giai đoạn đầu tư để phù hợp với nguồn lực thực hiện quy hoạch. |  |
| 5 | Để chủ động hơn trong công tác trữ nước, kiến nghị đơn vị soạn thảo bổ sung danh mục xây dựng hoàn thiện hệ thống thủy lợi (đầu tư mới hệ thống cống, đập thép, trạm bơm dã chiến nhằm chia nhỏ các vùng có diện tích từ 500ha đến 1000ha nhằm chủ động điều tiết trong nội vùng: từ vùng trũng sang vùng gò và ngược lại theo yêu cầu sử dụng nước phục vụ sản xuất, hạn chế bơm bỏ ra sông Đốc và biển Tây trong mùa mưa). | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Các dự án tỉnh đề xuất đều là các ô thủy lợi cơ sở thuộc vùng Bắc Cà Mau. Trong danh mục Quy hoạch đề xuất đã có Dự án: Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, II, IV, V, VI - Bắc Cà Mau. Các ô thủy lợi cơ sở đề nghị tỉnh Cà Mau thực hiện theo đề án chi tiết của tỉnh. |  |
| 6 | Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống đê theo tiêu chuẩn thiết kế, phù hợp với quy hoạch đê điều, quy hoạch tỉnh Cà Mau. Kiến nghị bổ sung thêm danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp đê sông tỉnh Cà Mau, trong đó danh mục đê sông đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp tại Quyết định số 4511/QĐ-BNN-PCTT ngày 19/11/2021, bao gồm 16 công trình. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Hệ thống đê sông sẽ được đề xuất trong các Quy hoạch có liên quan của lĩnh vực Phòng chống thiên tai. |  |
| 7 | Bổ sung thêm vào danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp trạm bơm, bao gồm 87 công trình | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Bổ sung, cập nhật danh mục: xây dựng 87 trạm bơm điện tỉnh Cà Mau. |  |
| 8 | Bên cạnh những giải pháp chống ngập úng đô thị cho thành phố Cà Mau, kiến nghị đơn vị soạn thảo nghiên cứu thêm các giải pháp chống ngập úng cho các thị trấn của các huyện trên địa bàn tỉnh như: Thị trấn Sông Đốc, thị trấn Năm Căn, thị trấn Cái Đôi Vàm | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Theo quan điểm chống ngập úng của Quy hoạch: Xây dựng các công trình chống ngập úng theo quy mô bao lớn, vòng ngoài. Vùng Bán đảo Cà Mau sẽ được hình thành hệ thống công trình vòng ngoài (cống Gành Hào, sông Đốc, các cống ven sông Hậu, các cống trên đê biển…) để tạo thành ô bao lớn, có nhiệm vụ kiểm soát nguồn nước, chống ngập úng ho toàn vùng, bao gồm cả các đô thị và nông thôn. |  |
| 9 | Điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống đê bao, bờ bao, thủy lợi nội đồng | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật như sau:**  Đã bổ sung, cập nhật các dự án thủy lợi nội đồng của tỉnh Cà Mau. |  |
| 10 | Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung giải pháp thủy lợi cho vùng ngọt tỉnh Cà Mau (tiểu vùng U Minh Hạ) tại Mục 6.1.1.2, Tiểu mục 9, trang 200 trong Báo cáo tổng hợp. Tuy nhiên, cơ quan lập quy hoạch chưa bổ sung, cập nhật vùng sinh thái ngọt tỉnh Cà Mau vào dự thảo Tờ trình, Quyết định, Báo cáo tóm tắt, Bản đồ Quy hoạch. Vì vậy, đề xuất cơ quan lập quy hoạch bổ sung đầy đủ nội dung đã nêu trên vào hồ sơ Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, bổ sung** tại hồ sơ quy hoạch. |  |
| 11 | Điều chỉnh, bổ sung tại điểm 3, mục VI, phụ lục VI của dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau: Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, IV, V - Bắc Cà Mau điều chỉnh thành: Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, II, IV, V - Bắc Cà Mau. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** trong Phụ lục VI như sau:  Xây dựng hệ thống thủy lợi Tiểu vùng I, II, IV, V - Bắc Cà Mau |  |
| **XIX** | **UBND tỉnh Bến Tre (Công văn số 8098/UBND-KT, ngày 28/11/2024)** |  |  |
| 1 | Xem xét, cập nhật lại bản đồ hiện trạng của công trình đê biển Ba Tri và công trình đê biển Thạnh Phú *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, cập nhật** hiện trạng của công trình đê biển Ba Tri và công trình đê biển Thạnh Phú trong Bản đồ hiện trạng thủy lợi. |  |
| **XX** | **UBND tỉnh Kiên Giang (Công văn số /UBND-KT, ngày /11/2024)** |  |  |
|  | Thống nhất nội dung Dự thảo tờ trình, Dự thảo Quyết định, Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt, Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định. | Thống nhất hồ sơ quy hoạch |  |
| **XXI** | **Cục Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai (Công văn số 1332/ĐĐ-KSAT, ngày 4/12/2024)** |  |  |
| 1 | Đề nghị không đưa danh mục cụ thể, chi tiết các tuyến đê, công trình trên đê vào nội dung Báo cáo và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều, quy hoạch và phù hợp với Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023. | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Trong Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông chỉ nêu tổng quát các giải pháp xây dựng mới, nâng cấp hệ thống đê biển, đê sông. Danh mục các công trình cụ thể không đề xuất trong quy hoạch. |  |
| 2 | Rà soát việc lựa chọn kịch bản phòng chống lũ và đề xuất giải pháp đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó đề nghị xem xét lại việc lựa chọn tần suất kiểm soát lũ đối với công trình hạ tầng trên toàn bộ lưu vực tương ứng với tần suất lũ 1% tại trạm Kratie và theo phân bố lũ năm 2011 | **Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình như sau:**  Lựa chọn tần suất kiểm soát lũ đối với công trình hạ tầng trên toàn bộ lưu vực là 1% là phù hợp với Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 847/QĐ-TTg) |  |



